

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Đơn vị đo lường

Tiếng Việt tuân thủ cách viết SI (tiêu chuẩn quốc tế).

Dấu phẩy (,) dùng để phân chia phần số nguyên với phần số lẻ.

(thí dụ, "ông ta cao 1,60 m)

Dấu chấm (.) dùng để gộp từng ba chữ số trong phần số nguyên cho dễ đọc.

(thí dụ, "dân số của thành phố là 2.148.524 người").

(nguồn Wikipedia)

Con phố chính của Phố Cổ

Con phố chính của Phố Cổ Hà Nội là:

phố Hàng Đào, phố Hàng Ngang và phố Hàng Đường.

Chữ nghĩa làng văn

Thoải mái :

Thoải nghĩa là thung dung, thông dong, không có gì ràng buộc, thông thả, kết với chữ *thoai* đứng trước (tiền âm: préfixe) thành ra *thoai thoải*, có nghĩa là từ từ nghiêng xuống như một triền núi, nhẹ nhàng, không mệt nhọc như lúc trèo lên. Như một khoảnh đất dài và nghiêng dần xuống.

Mái là một bên, một phía, như mái nhà (một phía nhà lợp xiên xiên, mái hiên: tấm chái thêm kê lẩy mái nhà). Mái ngoài: phía ngoài, lớp ngoài. Mái tóc: mỗi mé tóc ở hai bên đầu. Xuôi theo một mái: xuôi theo nhau một mái, một phía. Mái chèo: bề dẹp của cây chèo. Như cô lái đò cất mái chèo lên, đẩy nước mà đưa tới; nhờ thuận gió xuôi buồm không có gì trắc trở xuôi giòng đưa tới bến đò bờ thương... Thoải mái hàm ý như vậy.

(Thái Văn Kiểm – Kho tàng tiếng Việt)

Khác biệt văn hóa

Hà Nội: chửi tan nát đối tượng.

Sài Gòn: Nạn nhân quay lại xem là ai rồi... chờ đèn xanh đi tiếp.

Tiếng Việt trong sáng

Giải phóng :

Giải phóng là một từ thường dùng trong lĩnh vực chính trị để chỉ công cuộc cởi bỏ áp bức, trói buộc cho con người. Ngày nay, người ta lại dùng một cách sai lầm từ này cho vật chất.

Thí dụ: người ta nói *giải phóng mặt bằng* thay cho từ đúng là giải tỏa mặt bằng.

(Triều Thanh tạp chí)

Phố Hàng Đào



Phố Hàng Đào tất nhiên cũng hình thành rất sớm dọc trên con đê gần Hồ Gươm. Phố Hàng Đào thời cổ, nhà mái lá, mái ngói nhô ra thụt vào, không có vỉa hè. Đường đất gồ ghề, rất hẹp, ngày nắng bụi mù, ngày mưa lầy lội, không có cống, nước tụ lại chảy thành rãnh hai bên vệ đường.

Theo sách “Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ kể quang cảnh phồn hoa của mấy phố Hàng Đào - Hàng Bạc. Hàng Đào là nơi buôn bán lụa là vóc nhiều với nhiều màu sắc, người Hàng Đào được tiếng là người thanh lịch, con người của “kinh kỳ” kiêu cách.

Bấp vé

Bến, Đâu, Vàng, Đồng là những tiếng vay mượn không có lý do, như, chúng tôi đã ám chỉ ở bài trước khi nói về Đùi, do bọn lính nói tiếng Tàu vay mượn, còn ta thì đã có danh từ *Bấp Vé*.

(Dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt Nam - Bình Nguyên Lộc)

Ai vô xứ Nghệ thì vô

Khi Lê Lợi dấy binh chống Minh, khởi đầu ở vùng Thanh Hóa, sau chiếm Nghệ An để mở rộng khu vực chiến đấu, dân gian đã phẩn khởi vùng đất tự do ấy và cổ võ cuộc di dân vào vùng này:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ
Ai vô xứ Nghệ thì vô*

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

Dém

Dém : nhấn nhẹ, toan tính
(dém nói: ý muốn nói)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Ông chẳng bà chuộc

Vợ chồng nhà chầu chàng không có sự hoà thuận trong việc cho anh nông dân nợ chuộc lại viên ngọc thần. Vợ thì một mực “chuộc thì chuộc” (đồng ý cho chuộc), còn chồng thì dứt khoát “chẳng chuộc” (không cho chuộc). Tiếng kêu ra rả trái ngược nhau của hai loại chầu chàng là tiền đề sáng tạo nên câu chuyện về sự bất hoà của vợ chồng chầu chàng nên có thành ngữ “ông chẳng bà chuộc”.

Gần nghĩa với thành ngữ “ông chẳng bà chuộc”, trong tiếng Việt còn có thành ngữ “ông nói gà bà nói vịt”. Tuy nhiên thành ngữ này biểu thị sự không hiểu nhau, mỗi người nói một nẻo. Ngược lại, thành ngữ “ông chẳng bà chuộc”, thể hiện ở cả lời nói, ý nghĩ.

(Nguồn: Tìm hiểu điển tích thành ngữ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Đường về đêm tối canh thâu.
Nhìn anh tôi tưởng con trâu đang cười.

Câu đố

Xét trong quan hệ với vật đố, tức cách biểu thị vật đố ra sao, hình ảnh ở lời đố thường được sử dụng theo *kiểu dùng lời Hán Việt*. Dùng lời Hán Việt thay vì dùng lời thuần Việt để miêu tả vật đố, trong bối cảnh hầu hết người chơi câu đố chỉ biết bập bõm đôi tiếng Hán Việt, cũng nhằm thể hiện lối lạ hoá hình ảnh.

Thí dụ:

“*Thiên vô sinh,*
Địa vô sinh,
Vô dạng vô hình;
Đại nhân khai khẩu,
Tiểu nhân kinh”.

(Trời không sinh,
Đất không sinh,
Không dạng, không hình;
Người lớn nhắc đến,
Trẻ con kinh sợ)
(Ông ngáo ộp)

(Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố - Triều Nguyễn)

Dều

Dều : nhiều
(dều dào: nhiều lắm, dồi dào)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Ông Ba Mươi

Về phương diện từ vựng, ngoài chữ cọp, chúng ta còn có hổ, hùm, hùm, khải, kễnh. Sáu từ đơn. Chưa hết, còn: chúa sơn lâm, ông Ba Mươi, ông Dần, hay ông thầy. Chỉ nói “ông thầy” thôi, người ta hiểu ngay là cọp. Tổng cộng: 10 từ.

Tại sao người ta gọi cọp bằng nhiều tên khác nhau như vậy?

Vì sợ. Sợ nên kiêng. Cọp không những hung dữ mà còn khoẻ mạnh và nhanh nhẹn vô cùng, cứ thoát hiện thoát biến, rất khó đối phó. Bởi vậy người Việt Nam mới ví cọp như thần, như ma: “thần hổ, ma cọp”. Ma cọp có một tên riêng: ma trành.

Truyền thuyết ai lỡ giết cọp, phải mang đến trình quan huyện; quan huyện sẽ thưởng cho *ba mươi quan tiền* nhưng lại bắt nằm xuống đất để lính đánh đòn *ba mươi roi* gọi là phạt “tội giết cọp”. Đánh, chỉ là đánh vờ. Để hồn ma của con cọp chết không về báo oán dân làng. Vì vậy cọp được gọi là “ông Ba Mươi” chẳng?

(Nguyễn Hưng Quốc - Tiếng Việt: Cọp và Chó)

Khác biệt văn hóa

Khen vật gì to

Hà Nội: To vật vĩa.

Sài Gòn: Bự bành ki.

Chữ nghĩa hiện thực

Ngôn từ trong nước bây giờ cũng đổi mới tư duy như các ô cậu thanh niên thanh nữ Hà Nội thay vì nói cái xe Honda Dream thì lại dùng từ *con* Dream, tiếp là *con* Su (Suzuki), *con* Tô (Toyota), *con* Mọc (Mercedes), *con* A còng (@).

Áy là chưa kể cò đất, cò nhà, chẳng dính dáng gì đến... *con* cò.

(Lê Anh Tuấn – Báo Sài Gòn Nhỏ)

Đầu cái cước dư

Nếu ta có câu: *Đầu đội trời, chân đạp đất.*

Thì Tàu có câu tương tự: “Đầu cái cước dư”.

(Trời là cái lọng. Đất là cái xe).

Phố Hàng Đường



Từ chợ Đồng Xuân đến phố Hàng Ngang là phố Hàng Đường, là một phố nằm trên con đê cũ có cầu xây bắc ngang qua, gọi là Cầu Đông và một ngôi chợ họp ở cạnh cầu gọi là chợ Cầu Đông.

Chợ đó, vào khoảng năm 1900, trở thành chợ Đồng Xuân.

Hàng Đường là một phố cũ của kinh thành Thăng Long, từ thời Hậu Lê qua thời Nguyễn, phố này vẫn chuyên bán các sản phẩm đường mật và làm kẹo bánh.

Chữ nghĩa làng văn

Nhà văn viết văn tức là kể một câu chuyện. Nhưng người kể chuyện không nên hướng dẫn cho độc giả mà cần tôn trọng sự thông minh, khả năng thẩm thấu tác phẩm theo cách riêng của họ.

Nhà văn giỏi là người biết quan sát và kể chuyện, hé lộ những điểm thắt nút, nhưng chi tiết tinh tế, gợi mở cho những gì sắp xảy ra. Người kể chuyện không nên có giọng điệu giảng giải. Anh ta phải biết tôn trọng sự thông minh của độc giả.

Họ luôn biết lý giải câu chuyện theo cách riêng của mình.

Khác biệt văn hóa

Mắng thẳng ngu

Hà Nội : ngu trên cả tuyệt vời.

Sài gòn: ngu thấy mẹ.

Câu đố

Xét trong quan hệ với vật đố, tức cách biểu thị vật đố ra sao, hình ảnh ở lời đố thường được sử dụng theo hình ảnh “mình - đuôi” của vật. (chứ không phải người hay động vật).

Một số vật có gắn dây, thì vật trở thành “thân mình”.

Dây trở thành “đuôi”. Thí dụ:

Mình dài một thước đầu sai,

Thơ thần thánh ngày, thân lại xoè ba.

Đêm khuya lặng lẽ sương sa,

Mình nằm âm phủ, đuôi mà thượng thiên

(Cái mỏ neo)

Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố cho thấy thể loại này là sự mới mẻ, lạ thường. Những hình ảnh được tạo nên bởi lối nhân hoá (hay động vật hoá, thực vật hoá,...), và cách tả thực. Do góc nhìn không bình thường, có khi dùng hình thức đánh tráo các quan hệ ngữ pháp, nên tạo ra những vật dị kì. Những cách miêu tả như vậy chỉ có và được chấp nhận trong câu đố, tạo cho thể loại này một phong cách rất riêng.

(Triều Nguyễn - Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố)

Phố Hàng Ngang

Từ phố Hàng Đường đến phố Hàng Đào (đất phường Diên Hưng cũ) là Hàng Ngang, là phố. Thời Lê-Trịnh do nhiều người Quảng Đông (rue des Cantonais) đến làm ăn nên có tên gọi là phố Việt Đông (và Hà Khẩu tức phố Hàng Buồm).

Buổi tối nhà chúa cho kéo ngựa gỗ chắn ngang hai đầu phố Việt Đông nên mới có tên là phố....Hàng Ngang.

Đất lễ quê thói

Trong hôn lễ

Khi cô dâu bước chân vào nhà chồng phải bước qua cái hoả lò hồng cháy. Lửa sẽ đốt hết tà ma đã theo cô dâu từ đờc đờng.

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

Chữ nghĩa hiện thực

Bắc thang lên hỏi ông trời.

Đem tiền cho gái, có đòi được không?

Trời bảo: mày hỏi như khùng.

Tao là Thượng Đế còn “không” nữa là!

Thành ngữ và danh ngôn

Cha ông xưa đúc kết được kinh nghiệm sống và truyền khẩu cho đời con cháu mai sau qua ca dao và thành ngữ...Nay con cháu mai sau đời sau chế tác "lung tung, trống kèn" những thành ngữ, danh ngôn cho riêng họ :

- 1 người mà 90 tuổi thì chắc chắn là sống lâu hơn...người 60 tuổi rồi, bạn nhỉ!
- Bọn này đúng là càng lớn càng... nhiều tuổi.
- Hãy sống để được...chết một lần.

Chữ nghĩa không hay...chết liền IV

Một bài báo chất vấn tờ báo nọ sao không gọi người đại diện cơ quan là đồng chí mà lại gọi là ông. Bài báo còn viện dẫn là theo *Từ điển tiếng Việt* (nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 1977) trang 308 định nghĩa: Đồng chí là người cùng chí nguyện...

Hôm sau tờ báo nọ đăng tin:
Đồng chí trưởng cơ quan bị tòa án kết tội tham nhũng.

(Nghĩ về từ "đồng chí" - Nguyễn Khắc Phê)

Hồi ký

Hồi ký của tác giả cộng sản ngoài Hà Nội có những nét riêng của nó không trộn lộn được với ai. Trong *Từ Bến Sông Thương* do nhà xuất bản Văn Học in năm 1986, nữ sĩ Anh Thơ kể chuyện những mối tình của người ta và chuyện đời văn của chính mình.

Bà kể báo Đông Tây mời bà cộng tác do thư đề ngày 1. 4.1942, bà nhận lời và sau đó đi phỏng vấn Vũ Trọng Phụng, Tản Đà mặc dầu hai ông này chết từ trước đó ba năm.

Bà cũng kể năm 1944 Thạch Lam viết thư cho bà đề nghị xuất bản một cuốn tiểu thuyết.

Tiếc thay Thạch Lam đã mất từ năm 1942, không biết ai viết thư hộ ông đây? Còn nhiều cái lẩn cẩn nữa mà chính báo ở Hà Nội cũng đã lên tiếng rồi. Người ta nói thi sĩ hay mơ mộng, đúng đấy!

Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan khi viết hồi ký *Những Năm Tháng Ấy* thì nghiêm trang kể chuyện văn chương như khi viết Nhà Văn Hiện Đại, nhưng rải rác suốt cuốn sách chẳng lúc nào quên ca tụng chế độ cộng sản, ca tụng bác Hồ và ca tụng Hằng Phương thi sĩ vợ của ông.

Về một số sách nói tới mặt trái của chế độ Hà Nội xuất bản tại hải ngoại như Hoa Xuyên Tuyết, Mặt Thật (Bùi Tín), Tử Tù Tự Xử Lý (Trần Thu), Đêm Giữa Ban Ngày (Vũ Thư Hiên), hay cuốn sách viết lủng củng, văn bất thành cú, dẫn chứng khoe khoang ta đã đọc hết danh nhân này tới danh nhân khác như cuốn *Viết Cho Mẹ & Quốc Hội* của Nguyễn Văn Trấn v. v. thì tính chất hồi ký không nổi bật mà ta chỉ dùng như những bản cáo trạng chế độ cộng sản nhiều hơn.

(Không có xe nằm nhà đọc hồi ký - Đặng Trần Huân)

Chữ nghĩa làng văn

Nguyễn Hưng Quốc viết:

"Đức tính lớn nhất đối với một người cầm bút,... chính là sự táo bạo. Không táo bạo, không thể sáng tạo. Trong lãnh vực văn học, người dám xông thẳng vào bụi rậm và gai góc để lần mò một lối đi riêng bao giờ cũng có triển vọng đi xa hơn những kẻ khôn ngoan phóng mình theo những lối mòn có sẵn."

1 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Ban Mai: Ông là một nhà văn xuất thân trong quân chủng Không Quân VNCH, với nhiều bút ký, với tác phẩm nổi tiếng "Nửa đường đi xuống", vậy ông có nhận xét thế nào về tác phẩm của các nhà văn quân đội Miền Bắc như Bảo Ninh, Chu Lai...?

Thế Phong: ...Tôi rất dị ứng" với "mác" "nhà văn quân đội." Với tôi, chỉ có "nhà văn", anh có thể làm "lính nghề", "lính quân dịch" (bây giờ: nghĩa vụ). Anh sống trong quân ngũ, được cảm động, anh viết nhân vật sống quân ngũ. Với Bảo Ninh là "Nỗi buồn chiến tranh", tôi đã đọc, và viết cảm nhận trong "Hà Nội 40 năm xa" (sđd.), tác giả viết rất thực về "cuộc chiến xào sáo". Phải nói đó là cuốn tiểu thuyết "đáng được coi là tiểu thuyết hay".

Sau, tôi đọc "*Chuyện kể năm 2000*" tôi thích hơn, đánh giá cao hơn, so "*Nỗi buồn chiến tranh*" đọc từ mấy năm trước. Tác giả kể lại, viết bản thảo xong, cứ gửi "bừa" tới Nxb Thanh Niên ở Hà Nội, và sau được in ra thật. Một bộ tiểu thuyết "thật hay".
Tôi không hề đọc tác phẩm Chu Lai- xin miễn trả lời.

(Trò chuyện cùng nhà văn – Ban Mai)

Diếc

Diếc : mắng mỏ
(nó cười diếc)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chợ Đồng Xuân

Từ hồ Gươm thẳng lên phía bắc từ *Hàng Đào* qua *Hàng Ngang*, sang *Hàng Đường* là tới *chợ Đồng Xuân*.



Đây có thể coi như trung tâm khu phố cổ của Hà Nội, cắt ngang đường xe điện này là các phố Cầu Gỗ, Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Thuốc Bắc, Hàng Buồm (khu phố Tàu của Hà Nội), Hàng Mã, Hàng Chiếu. Phố Hàng Chiếu hướng về phía sông Hồng có một di tích lịch sử, đó là Ô Quan Chưởng.

Hà Nội có 5 cửa ô, chỉ Ô Quan Chưởng còn nguyên vẹn, các cửa ô kia đều có tên nhưng không còn dấu tích gì.

Ngầu pín là gì?

Ngầu là *ngưu*, tức con bò (thủy ngưu mới là con trâu).

Pín là âm Hoa Hán giọng Quảng Đông, giọng Quan thoại chỉ công cụ gây giống của con đực.

(Cao Tự Thanh)

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa?

Trong dân gian có những câu sấm để tuyên truyền cho một phe phái nào đó. Câu sấm được truyền trong dân gian bằng cách dạy cho trẻ con hát khi nô đùa. Chẳng hạn câu sấm sau đây, dưới hình thức ca dao, được truyền là của các cựu thần nhà Mạc tổ chức chống Trịnh làm ra để liên lạc với người của mình tìm đến cơ sở ở mạn Bắc:

Ai lên Phố Cát Đại Đồng

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa?

Có chồng năm ngoái năm xưa

Năm nay chồng bỏ như chưa có chồng

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Con cò đi uống rượu đêm.
Đậu phải canh mềm lộn cổ xuống ao.
Còn anh chả uống ngậm nào.
Cũng say ngây ngất ngã vào lòng em.

Dốt hay nói chữ

Chuyện dốt hay sành chữ từ truyện “Tam đại con gà”. Chuyện kể:

Xưa có anh học trò rất dốt, nhưng có người tưởng anh hay chữ thật, đón về nhà dạy trẻ.

Một hôm, dạy thằng con nhà chủ đọc sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy ta thấy cái chữ nhiều nét khó không biết dịch nghĩa sao cả. Khi trẻ hỏi gấp, thầy cuống quýt đọc liền “dữ dĩ là con dù dĩ”. Tối hôm ấy, nhân nhà chủ có bàn thờ thổ công, thầy đến khấn thăm, xin ba đài âm dương xem chữ ấy có đúng không. Thổ công không nói gì cả. Thầy cho là phải, lấy làm đắc sách. Hôm sau, thầy bệ vệ ngồi trên giường bảo lũ học trò đọc to rằng; “Dữ dĩ là con dù dĩ, dữ dĩ là con dù dĩ”. Người chủ đang ở vườn, thấy vậy bỏ cuốc chạy vào hỏi thầy:

- Chết chửa, chữ ấy là chữ “kê” sao lại dạy chúng nó là con dù dĩ.

Bấy giờ thầy mới nghĩ: “Mình đã dốt, thổ công nhà này cũng dốt nữa”, song nhanh trí gỡ rằng:

- Ông tưởng tôi không biết chữ kê, mà kê nghĩa là gà hay sao? Nhưng tôi dạy chúng nó thế là để chúng biết đến tam đại con gà kia đấy.

Nhà chủ ngạc nhiên hỏi:

- Tam đại con gà là thế nào?

Thầy cất nghĩa:

- Thế này nhé: Dữ dĩ là chị con công; Con công là ông con gà. Thế chẳng phải tôi đã dạy chúng hiểu ba đời con gà là gì.

Nhà chủ đành chịu thầy, rồi ra nói với thằng con: “Thầy này đã dốt lại hay nói chữ”.

Theo truyện “Tam đại con gà” – “Truyện cổ nước Nam”, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc

(Nguồn: Tìm hiểu điển tích thành ngữ)

Dín

Dín ; nhỏ nhẹ
(nó cười dín)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ nghĩa làng văn

Nguyễn Xuân Hoàng: Ông (Võ Phiến) vừa nói đến cốt truyện và đến vấn đề chi tiết trong truyện. Tôi nghĩ đến Nhất Linh.

Nhất Linh coi thường cốt truyện, không muốn gọi bằng cái tên thường gọi là cốt truyện: ông đặt tên nó là “Các việc xảy ra”!

Theo ông thì trong một cuốn tiểu thuyết cái đó không quan trọng chút nào, vậy muốn viết nên cuốn tiểu thuyết hay tốt hơn là đừng bận tâm về cốt truyện. Quan trọng nhất là chi tiết. Theo Nhất Linh, các nhà văn hơn kém nhau ở chỗ tìm chi tiết.

Ông có cho rằng nói như thế là quá đáng không?

Võ Phiến: Ôi, tôi mà cho là thế này thế nọ thì có nghĩa gì đâu. Có lần trong một cuộc đàm thoại về tiểu thuyết, hai nhà văn lớn của Nhật bản là Yukio Mishima và Kenzaburo Oe cũng đi đến những ý kiến của Nhất Linh.

Thoạt tiên ông bảo không nên chú trọng quá về chi tiết; Mishima hoàn toàn bác bỏ ý nghĩ của nhà văn đàn em, và cuối cùng đã thuyết phục được Oe. Họ đồng ý với nhau rằng đặc điểm

của tiểu thuyết Nhật là sở trường về chi tiết, và đó là chỗ thành công của tiểu thuyết Nhật. Tiểu thuyết là một công trình hư cấu, giả tưởng. Cái giả ấy mà thành tuyệt diệu được là nhờ những chi tiết rất thực. Chi tiết mà thực thì công trình giả cấu hoá nên sống động. Ông kể rằng vừa đọc một câu chuyện cấu trúc loạng choạng nhưng có nhiều chi tiết hay. Ông định chê, nhưng Mishima bênh vực, nói ngay là ông thích Oe cũng chính vì trong truyện có những chi tiết hay, ông khen Oe thành công về chi tiết.

Như vậy ở đây cũng lại cốt truyện không cần, chi tiết là nhất. Trong khi ấy, kẻ đọc nhảy đọc nhanh lại nhảy phóc qua đầu các chi tiết, chỉ lo rượt đuổi cái cốt truyện.

(Viết một cuốn đọc nghìn cuốn - Nguyễn Xuân Hoàng, Võ Phiến)

Cảm nhận của một người Hà Nội về người Sài Gòn

Người Sài Gòn sáng cafe ăn sáng vỉa hè, cafe nhạt, kèm theo bình trà, vài ba tờ báo ngồi dưới những hàng cây cao nhìn dòng người qua lại. Đồ ăn sáng Sài Gòn cũng đơn giản, bánh canh, hủ tiếu, phở Bắc, phở Hoa, món nào vỉa hè cũng ngon, ngu nhất là ghé vào mấy quán trong nhà, có thương hiệu vì mắc chết mệ.

Tiếng Việt trong sáng

Lái xe: Đó là một động từ, hay đúng hơn là một từ kép gồm một động từ và một túc từ. Tuy nhiên, ngày nay người ta cũng dùng từ này để chỉ *người lái xe*, tức là danh từ.

Vì vậy, người ta có thể nói: “Sáng nay, lái xe đang lái xe gặp một lái xe khác cũng lái xe, cả hai lái xe cùng lái xe về nhà”.

Thực là buồn cười. Trước đây ở miền Nam, lái xe dứt khoát chỉ là động từ. Còn danh từ phải là người lái xe hay gọn hơn thì dùng từ phiên âm Quảng Đông là *tài xế* rõ ràng minh bạch hơn.

(Triêu Thanh tạp chí)

Câu đối phúng

Nhà chĩnh rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thất lưng bó que, xắn váy quai cồng, tất tưởi chân nam chân chiêu, ví tớ đỡ đần trong mọi việc.

Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá toạ, gật gù tay đũa tay chén, cùng ai kể kể chuyện trăm năm.

(Câu đối khóc vợ - Nguyễn Khuyến)

Gàn bát sách

Trong hồi ký *Thi tù tùng thoại* của Huỳnh Thúc Kháng ở Côn Đảo 1915 có ghi thú chơi tổ tôm, chán với 120 quân bài. Trong đó có bốn quân bài: chi chi, nhị sách, *bát sách* và cừu vạ.

“*Gàn bát sách*” là tiếng của người Bắc, người Trung, người Nam không biết “gàn bát sách” là cái gì. Ấy là chưa kể không biết vì sao người Bắc có tục lệ bỏ cỗ bài chán hay tổ tôm vào quan tài, để “bọn quân bài đi theo hầu hạ người chết”.

Nhưng bỏ quân “*bát sách*” ra. Vì sợ thằng bát sách nó gàn, nó làm, nó nói những điều gàn dở làm phiền người quá vãng.

(Hoàng Hải Thủy – báo Văn Nghệ Tiền Phong)

Đất lề quê thói

Tang chế

Trong thời kỳ vợ cư tang chồng không được sũa răng và tắm rửa.

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

Phường Hà Khẩu

Phố Hàng Buồm

Nơi phường Diên Hưng với phố người Hoa kiều, sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi gọi là phường Đường Nhân (phố người Tàu) bán áo diệp. *Đại Nam nhất thống chí* gọi là phố Việt Đông.

Như vậy Hàng Buồm ban đầu chưa phải là nơi tập trung của Hoa kiều; họ ở phố Việt Đông (nay là Hàng Ngang) rồi ở lan sang mấy phố chung quanh đó như Hàng Bò, phố Phúc Kiến (Lãn Ông) rồi đến Hàng Buồm.



Nghề sở trường của họ là buôn bán mà *Hà Khẩu* - tên cũ là *Giang Khẩu*. Phường Hà Khẩu sát bên sông Nhị và trên bờ sông Tô Lịch hầu hết sống bằng nghề liên quan đến sông nước như buôn và một thứ mành mành buồm cũng đan bằng cỏ, có nẹp tre.

Sự xuất hiện của bài Từ

Trong văn học Trung hoa, *Từ* là một thể thơ với những câu dài ngắn không đều và xuất hiện sau *Thi*. Đó là nhà thơ Trung hoa muốn phá vỡ những quy tắc khắt khe của bài Đường luật để đem lại cho điệu thơ nhiều biến đổi, cũng để thích ứng lời thơ cho việc phổ nhạc. Bài Từ khởi lên ngay từ đời Đường (*Lý Bạch đã có làm, Ôn Đình Quân đời Văn Đường thường chuyên*), qua đời Tống thì rất thịnh hành. Bài Từ không có một khuôn khổ duy nhất. Các thi gia, nhạc gia chế ra nhiều điệu, đặt cho mỗi điệu một tên Mỗi điệu có một số câu với số chữ và cách gieo vần nhất định.

Trong văn học ta bài Từ chữ Hán có ngay từ đời Lý (*bài Từ nổi tiếng của sư Ngô Chân Lưu tiến sĩ giả Lý Giác, theo điệu Tống Vương Lang quy*). Song về Việt văn thì có lẽ chỉ tới đây ta mới bắt gặp lần đầu dưới ngòi bút của Phạm Thái và Quỳnh Như. Cũng bởi Từ là lối sáng tác nặng tình cảm, để đạo đạt những u tình, kiến ngộ, nhất là rất xứng hợp để tài tử giai nhân khơi tả nỗi sầu tư luyện tưởng. Cho nên ta không lấy làm ngạc nhiên thấy xuất hiện dưới bút của đôi công tử tiểu thư Lê mặt này trong câu truyện tình duyên của họ.

Tuy nhiên loại Từ này không thấy nảy nở về sau, trừ có ngành ca Huế về sau lợi dụng nó rộng rãi, còn không thấy dưới ngòi bút các thi gia. Có lẽ phần vì nó là lướt, phóng túng, không mực thước nghiêm trang như bài Đường Luật, nên không hợp với óc quy củ của nho gia ta, phần nữa vì nếu chỉ cần cho âm điệu biến đổi, tiết tấu phong phú thì ta đã có sẵn những lối song thất, hát nói, giàu nhạc tính hơn nhiều.

Trong những sáng tác của Phạm Thái và Quỳnh Như, còn lưu lại mười bài Từ, thường được lồng vào những câu lục bát hoặc song thất. Như *Thăm chùa Non Nước, Gửi Trương Quỳnh Như, vv..*

(Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên II - Phạm Thế Ngũ)

Góa phụ

Tôi đã gặp vài lần chữ *góa phụ* trong sách vở để chỉ người đàn bà có chồng đã chết. Gọi như thế là sai vì tính từ *góa* là tiếng Nôm, không thể đặt trước danh từ *phụ* được. Phải gọi người đàn bà *góa* (toàn Nôm) hay người *quả phụ* (toàn Hán Việt) thì mới đúng.

(Triều Thanh tạp chí)

Khác biệt giữa Hà Nội và Sài Gòn

Phở

Hà Nội: khó mà thiếu mì chính, quẩy (Dầu cháo quẩy)

Sài Gòn: Làm sao ăn phở được khi mà không có rau, giá và tương đỏ (hoặc đen)

Chữ nghĩa lơ mơ lẫn lộn

Trong mục *Sổ tay* một tờ báo “văn học” trong nước có câu:
“Những nhà văn, sở dĩ là nhà văn, bởi vì họ biết cách trình bày thế nào để những điều hết sức dễ hiểu thành rất...khó hiểu”.

Hồ Gươm

Đời Lý, hồ có tên là Lục Thủy vì nước hồ màu xanh biếc. Đến đời Trần, vua quan hay ra đây câu như Lã Vọng nên hồ có tên là Hồ Tả Vọng. Sau khi đuổi được họ Mạc ra khỏi Thăng Long, năm 1593 chúa Trịnh cho sửa sang qua loa lại Hoàng thành để vua Lê ở, và còn lại tập trung dựng phủ chúa bên ngoài Hoàng thành. Thời bấy giờ có nhiều công trình kiến trúc xa hoa lộng lẫy của nhà chúa như: lầu Ngũ Long (phía bờ Đông hồ Gươm), đình Tả Vọng (nay là gò Rùa), cung Thụy Khánh (chỗ đảo Ngọc Sơn).

(Ở mặt tây Hồ Gươm trên đường Lê Thái Tổ có đền vua Lê, tường bao chung quanh. Vì nằm ở một địa điểm vắng vẻ nhất toàn khu quanh hồ Gươm, lại ẩn khuất không có một lối kiến trúc khác thường nào cho nên đền vua Lê ít người biết tới).

Truyện chớp

Thành thật mà nói thì chẳng có gì đáng nói

Thành thật mà nói thì chớ nên nói. Thành thật mà nói thì tôi không bao giờ thành thật, kể luôn khi tôi nói tôi không thành thật.

2 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Năm 1969, tạp chí Khởi hành (Sài Gòn, số 24, ngày 9-10-1969) hỏi Bình-nguyên Lộc: “Ông đang viết cuốn truyện thứ bao nhiêu?” Bình-nguyên Lộc đáp: “Tôi đang viết truyện thứ nhứt”.

Cuốn truyện thứ nhứt của Bình-nguyên Lộc, ông khởi thảo từ năm 1935, năm ông hăm một tuổi. Tức cuốn Hương gió Đồng Nai. Bản thảo thất lạc trong thời chiến tranh, trong những cuộc tản cư hồi hải. Mấy chục năm sau, ông vừa thử viết lại vừa cố gắng tìm bản thảo xưa; ông rao tìm trên mặt báo, kêu gọi sự giúp đỡ của người hảo tâm tứ xứ. Cho tới khi qua đời ở Mỹ năm 1987, tức 52 năm sau, tác phẩm nọ vẫn chưa tìm lại được, vẫn chưa viết lại xong. Đồng Nai là một mối bận tâm suốt đời của Bình-nguyên Lộc. Dòng họ ông vẫn giữ được bản gia phả mười đời. Sinh sống ở đất Tân Uyên, một làng bên con sông Đồng Nai. Mười đời kể

đến 1965 (lúc ông trả lời cuộc phỏng vấn của Ngu Í) thì đến đời cháu ông hiện nay đã thành ra mười hai đời, tức độ ba trăm năm; vậy tổ tiên ông thuộc lớp những di dân đầu tiên vào Nam lập nghiệp.

Đồng Nai là bận tâm của một dòng họ. Phù sa là bận tâm của cả miền Nam. Phù sa, tác phẩm thứ hai trong đời Bình-nguyên Lộc, khởi thảo năm 1942, nhằm vào công trình mở mang bờ cõi về phương nam, cho đến mãi tận mũi Cà Mau. Tác phẩm ấy, đến ngày cuối cùng của ông, 45 năm sau, viết đi viết lại mãi vẫn chưa xong.

(Bình Nguyên Lộc: Một nhân sĩ trong làng văn – Khởi Hành)

Díu

Díu : níu lại
(càng quen thuộc càng dan díu tình)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Tiếng Việt trong sáng

Nghiên cứu sinh: Sinh là tiếng Hán Việt. Dùng làm động từ thì sinh có nghĩa là sống.
Còn dùng làm danh từ thì sinh có nghĩa là con người đang sống.

Thí dụ học sinh là người đi học, nghiên cứu sinh là người đi nghiên cứu. Rõ ràng thế mà tôi đã nghe người ta nói và đã thấy người ta viết những câu như:
- “Con tôi được đi...*nghiên cứu sinh* tại Trung quốc”.

Như thế là nói bậy vì lấy một danh từ làm động từ!

(Triêu Thanh tạp chí)

Đất lề quê thói

Tang chế
Trong thời kỳ tang chế, người con trai không được để vợ có chửa để tỏ lòng có hiếu với bố mẹ. Lệ này đã được vua Lê Thánh Tôn bãi bỏ vào năm Quang Thuận thứ tư (1481).

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

Cái cò lặn lội bờ sông

Các biến cố lịch sử ảnh hưởng rất lớn đến đời sống dân chúng, nhất là loạn lạc. Chiến tranh gây cảnh điêu tàn, chết chóc, nhà tan cửa nát. Dân gian chỉ biết kêu trời, bày tỏ nỗi oán thán:

*Cái cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non
Em về nuôi cái cùng con
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng*

Ấy là thảm cảnh của người dân phải thi hành nghĩa vụ tòng quân dưới thời Nam Bắc Triều, xảy ra cuộc chiến tranh Trịnh – Mạc. Cao Bằng là căn cứ địa trọng yếu của nhà Mạc. Người lính trong câu ca dao trên thuộc hàng ngũ quân Trịnh của Trịnh Tùng, được lệnh lên đường đánh quân Mạc, về về vợ con trong buổi chia ly.

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Chiều chiều ra đứng ngõ sau.
Thấy em yếu điệu cầm dao...mỗ gà.
Con gà em cắt làm ba.
Trời ơi có phải em là...em không?

Khác biệt văn hóa

Hà Nội

Ăn phở : nặn chanh vào thìa, dùng đũa gạt hạt chanh đi rồi...cho vào tô phở.
Ăn bánh cuốn : chấm bánh cuốn vào chén nước mắm mà ăn.

Sài gòn

Ăn phở : cạy hạt ra rồi vắt chanh thẳng vào tô phở.
Ăn bánh cuốn : chan nước mắm vào đĩa bánh cuốn mà ăn.

Xe thổ mộ

Xe *thổ mộ* : Câu chửi đồng “*Mã cha mà chạy chứ mã ai chạy!*”. Nên có người giải thích thổ là đất, mộ là nắm mộ, xe *thổ mộ* tức cái xe như...nắm mộ lùm lùm chạy trên đường phố.

Tuy nhiên thổ mộ là cách đọc Việt hóa của từ *tử mộ*, tức *độc mã* (một ngựa) đọc theo âm Hoa Hán giọng Quảng Đông.

Xe *thổ mộ* tức xe (một) ngựa kéo.

(Cao Tự Thanh)

Linga-yoni

Tiếng Phạn nổi tiếng cực kỳ phong phú từ trừu tượng. Nhưng có đôi từ Phạn ngữ tuy chẳng trừu tượng tí nào mà hầu cả thế giới đều biết: linga (sinh thực khí đàn ông) và yoni (sinh thực khí đàn bà). Sinh thực khí thì dân tộc nào cũng có tiếng gọi. Linga – yoni riêng là nhờ một cách thờ phụng đặc biệt của người Ấn-độ.



Linga-yoni tiếng Việt xưa là nō-nường.

Ở trung du và đồng bằng sông Hồng từng có rất nhiều lễ hội cổ truyền mà nội dung liên hệ chặt chẽ với tục "thờ" sinh thực khí. Như hội Dị Nậu (Vĩnh Phú), trò Trám (Vĩnh Phú), hội Sơn Đồng (Hà Tây), thì thấy tượng chỉ là dùi gỗ, mo cau. Đa số những lễ hội này tập trung tại Phong Châu (nơi có đền Hùng). Số còn lại rải rác ở các tỉnh Hà Bắc, Hà Tây, Hải Hưng v.v.,.

(Trong tìm tòi và suy nghĩ – Khuyết danh)

Dối

Dối : nói rõ ra
(đắng dối – nghĩ nguồn cơn dở dối sao đang)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Tháp Rùa

Theo sách *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ thì trên gò Rùa không có đình quán nào cả như “*đình Tả Vọng của chúa Trịnh*” qua lời đồn đãi. Trước kia nguyên là đất tư của chánh tổng Đông Thọ huyện Thọ Xương tên Nguyễn Bá Kim. Năm 1884, ông chánh tổng ngắm miếng đất có dáng miệng con rồng nên cho xây cái tháp, định đem hài cốt của bố ông táng vào đó. Ông theo đạo Thiên Chúa nên xây cái tháp không có mái cong, không có lưỡng long chầu nguyệt của đền chùa cổ xưa. Việc cải táng không thành. Ngôi tháp chơ vơ, vô hình chung có cái tên là...tháp Rùa.

Ai là cha đẻ Xã Xệ?



Trong bài viết về Lý Toét, Xã Xệ, Đặng Đình Hồ thắc mắc không biết Lý Toét, Xã Xệ do ai sáng tác.

Lê Đình Thông viết Nhất Linh "là cha đẻ của Lý Toét, Xã Xệ".

Thực ra Nhất Linh không nhận điều này vì trong di cảo viết tay của Nhất Linh nói rõ. Ông ghi: "Bút Sơn, ở Sài Gòn (người đã vẽ ra Xã Xệ - tên thật chưa biết).

Xin ông Bút Sơn (nếu ông còn sống) hay các bạn ông cho biết tên thật". Như vậy đã rõ cha đẻ của Xã Xệ nhưng ông thân sinh của Lý Toét là ai thì chưa có lý lịch.

(Bấy vị tinh tú - Đặng Trần Huân)

Khác biệt văn hóa

Khen đồ ăn ngon

Hà Nội: Ngon tuyệt cú mèo

Sài Gòn: Ngon bá chấy bò chét

I và Y (XI)

Trừ tên riêng, cách dùng hai chữ i-ngắn và y-dài như sau.

Dùng i-ngắn với các phụ âm B-, H-, K-, L-, M-, T-.

Ví dụ: bí ẩn, hi vọng, ki bo, phân li, bánh mì, ti tiện...

Dùng i-ngắn cho từ thuần Việt với âm này đứng riêng lẻ.

Ví dụ: í ới.

Dùng y-dài cho từ Hán-Việt với âm này đứng riêng lẻ.

Ví dụ: thầy y.

(nguồn Wikipedia)

Món lẩu của Tàu

Món lẩu của Tàu tức *cái lò* phát nguyên từ người Mông Cổ.

Trước cả thời Thành Cát Tư Hãn, quân kỵ Mông Cổ hành quân thường mỗi người hai ngựa, một con chở người, một con chở lương thực và trang bị khác, trong đó có một cái túi đựng phân ngựa. Ngựa ăn cỏ nên phân nhiều “xenluylo”, phơi khô cháy rất đượm, họ dùng phân ấy làm chất đốt kết hợp với *cái lò* nên khi hành quân vẫn được ăn nóng.

Sau khi nhà Nguyên chiếm Trung Quốc, loại *nồi gắn lò* (hay lò gắn nồi) này truyền tới Giang Nam rất được ngư dân và cả bọn thủy khấu hải tặc đi sông đi biển “hầu ló” vì tiện dùng ở những nơi gió lớn, từ đó nó có tên Tàu là “*lẩu*”.

“*Lẩu*” là âm Hoa Hán giọng Quảng Đông. Người Việt ngày nay với âm Việt Hán là *lô* tức cái *bếp lò*.

Đến khi nhà Thanh chiếm Trung Quốc, nó lại theo thuyền các di thần phản Thanh phục Minh Hoa Nam trôi qua Việt Nam mà đặc biệt là Đàng Trong. Có thể đoàn thuyền này trên đường lưu lạc vào miền Nam bằng đường biển, họ ghé cù lao Chàm, cù lao Yên nên người Việt ngày trước gọi là cái...*cù lao* chăng?

(Cao Tự Thanh)

Tiếng Bắc, tiếng Nam

Bắc động thái – Nam động lược
Bắc động tình – Nam “chơi” luôn

Ngọc Sơn Từ

Đền có tên là Ngọc Tường thời nhà Lý, đến đời nhà Trần thì đổi thành đền Ngọc Sơn. Theo sách *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hồ thì cũng chẳng có cung Thụy Khánh của chúa Trịnh trên cái gò đất cách bờ mấy trăm thước, rộng bốn, năm sào mà xưa kia gọi là Tượng Nhĩ Sơn, tức núi tai voi. Gò có một gian miếu nhỏ bằng nửa lợp tranh thờ Hà Bá. Vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long đổi tên là núi Ngọc Tượng.

Thời chúa Trịnh, người Hoa Kiều xin phép sở quan, dựng ngôi đền nhỏ thờ Quan Công. Minh Mạng năm 1838, xây cất thêm đền thờ Đức Thánh Trần, Lã Đổng Tân và điện Văn Xương Đế Quân, ngôi sao chủ cho việc văn chương khoa cử, nơi các thầy đồ sau này thường tới xin sấm trước khi đi thi và được đặt tên là Ngọc Sơn Từ trên đảo Ngọc Sơn, nên được gọi là đền Ngọc Sơn.



Chùa báo Ân

Ngoài ra chung quanh hồ Gươm còn có tháp Hòa Phong, dấu tích tháp cũ của chùa Báo Ân, đền Bà Kiệu xây từ đời Lê Trung Hưng để thờ ba vị nữ thần, đó là công chúa Liễu Hạnh (còn gọi là Mẫu Phủ Giầy) và hai tì nữ Quỳnh Hoa và Quế Hoa.



Tháp Hoà Phong

Sự khác nhau giữa Hà Nội và Sài Gòn

Đường phố

Hà Nội: Đường, phố, ngõ, ngách

Sài Gòn: Đại lộ, đường, hẻm,...hẻm

3 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nghệ Thuật số 1 ra ngày 1 tháng 10, 1965, Bình-nguyên Lộc gửi cho truyện ngắn Con Nai Vàng, đăng hai kỳ báo mới hết. Tới số 5 anh đưa cho truyện ngắn khác, Bệnh Thành Phố. Quen biết nhau từ hồi anh có mặt trên các tờ Nhân Loại của các nhà văn miền Nam, tòa soạn ở Bến Chương Dương, và quanh các nhật báo thời ấy, song từ nhật báo tới tuần báo, không khí môi trường lại khác. Một bên ào ào, một bên thông thả. Từ tòa soạn ở đường Phạm Ngũ Lão tới tư gia tác giả Ký Thác, Đò Dọc, ở bên kia đường Trần Hưng Đạo, chỉ khoảng mười phút. Còn nhớ, nhà anh ở trong một con ngõ, lối đi phẳng phiu, tương đối rộng, khác hẳn những con ngõ ngoằn ngoèo khu Phan Đình Phùng, hay Nancy. Anh thường đi bộ từ nhà tới các tòa báo ở đường Phạm Ngũ Lão: Văn, Kịch Ảnh, Mảnh Ảnh, Phổ Thông, Thời Nay, Sài Gòn Mới, Nghệ Thuật, Khởi Hành,... Góc Phạm Ngũ Lão-Đề Thám-Bùi Viện là "Ngã Tư Quốc Tế," nơi đặt tổng hành dinh của một nhà phát hành báo. Căn phòng "con nai đồng bằng" ngồi viết chặt ních sách vở, không phải trên kệ sách, mà xếp chồng chất trên các mặt bàn mặt ghế. Anh thường mặc pajama màu nhạt, hay màu xanh thật nhạt. Lúc ra mở cửa tiếp khách, nụ cười đã sẵn sàng, tay phải luôn luôn cầm một cái bút nguyên tử. Anh đang viết dở một cái gì đó. Còn bài cho bạn, anh hẹn tới lấy, thì đã xong rồi, ở góc xấp bài đóng ghim cẩn thận. Phòng anh không được sáng lắm, lại càng không sáng vì những tấm song sắt mỏng che các mặt kính, như nếu kính có vỡ, người ngoài cũng không thể xâm phạm tới bên trong. Đó là những hình ảnh giờ này nhớ lại, sự thực có thể là khác hơn.

(Bình Nguyên Lộc qua trí nhớ - Viên Linh)

Tiếng lóng mới ở trong nước

- Chảnh : kênh kiệu
 - Tám : nhiều chuyện
 - Không có cửa : không thể nào
- Thí dụ như thằng đó muốn cua tao hả, không có cửa đâu mày.

(Nguồn; Thanhda.com)

Chữ nghĩa làng văn

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, thơ Nôm để chuyển sang văn học quốc ngữ đã xuất hiện hai gương mặt thơ tiêu biểu là Nguyễn Khuyến và Tú Xương. Họ cùng thời và đồng hương nhưng thế giới các cảnh quan và tâm trạng trong thơ họ rất khác nhau.

Nguyễn Khuyến, đó là sự tĩnh lặng làng quê; còn Tú Xương trong huyên náo kẻ chợ. Kể cũng hơi lạ. Bình Lục của Nguyễn Khuyến chỉ cách Nam Định nơi có phố hàng Nâu của Tú Xương vài mươi cây số, thế mà thế giới thơ của ông sao hiu hắt thế. Tú Xương chưa phải làm câu đối khóc vợ như Nguyễn Khuyến, nhưng lại đã có lúc làm thơ "tế sớ vợ"...

*Mặt nhẵn nhụi chân tay trắng trẻo, ai dám chê rằng béo rằng lùn
Người ung dung tính hạnh khoan hoà, chỉ một nỗi hay gàn hay dở*

(Hai bà vợ trong thơ Nôm - Phong Lê)

Sự khác nhau giữa Hà Nội và Sài Gòn

Văn hoa ẩm thực

Bạn quen với bát phở Hà Nội không thể thiếu mì chính và quẩy, được bưng ra trong khi ngón tay người phục vụ nhúng cả vào đó!

Đến Sài Gòn bạn đừng ngạc nhiên khi phở phải có rau, giá và tương, được bưng ra với cái tô được đặt trên chiếc đĩa!

4 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Viên Linh: Ông viết văn như thế nào? Một ngày ông viết được bao nhiêu trang? Ông có đọc lại những gì ông viết ra không?

Bình Nguyên Lộc: Tôi đoán rằng quý báo muốn thỏa mãn tánh tò mò của bạn đọc vì những cái tật lạ của mỗi nhà văn chẳng? Tôi không có tật lạ nào hết, chỉ thắc mắc một chứng bệnh mà thôi, là không thể viết ra chữ trên loại giấy nào khác hơn là giấy học trò. Tôi mắc bệnh này sau năm 1953 mà tôi bắt đầu làm nghề thư ký tòa soạn. Tới phút chót, các ông thợ báo tin rằng thiếu nửa cột chữ 8, không tí. Là lối 500 tiếng, lại phải biết mình nên cung cấp cho thợ bao nhiêu trang bản thảo của mình. Giấy tập học trò giúp tôi biết rằng tôi phải đưa hai trang bản thảo. Như vậy trong một phút đồng hồ, tôi đủ thì giờ phân bố ý tứ cho 2 trang đó và viết được ngay, kéo thợ họ không nghe cho mình. Tôi thấy loại giấy đó có lợi quá, nên dùng nó để cung cấp tiêu thuyết cho các báo đăng hàng ngày, họ đăng không giống nhau, có báo đăng ba trang, có báo đăng ba trang rưỡi, có báo đăng bốn trang chữ viết của tôi. Chỉ dùng giấy tập tôi mới cung cấp được, không thiếu cũng không dư. Làm như vậy suốt 16 năm trời thì nó thành thói.

Xin thú thật không có thì giờ đọc lại. Nhưng nếu có thì giờ đọc thì chắc mỗi ngày không viết tới 5 trang được, bởi hễ đọc lại thì muốn sửa chữa, sửa chữa rồi, đọc lại nữa, và cứ như vậy hoài thì biết bao giờ mới có bài. Đôi khi sửa chữa mãi hóa ra dở hơn lần phóng bút ban đầu.

(Bình Nguyên Lộc qua trí nhớ - Viên Linh)

Áo sường sám

Cái áo *trường sam* là áo vạt dài, tức áo dài của người Hoa đọc theo âm Hoa. Hán giọng Quảng Đông là *sường sám*.

Các tiệm may hiện nay không hiểu bèn cải biên thành *sườn xám*, có lẽ định gán cho nó một ý nghĩa...cái sườn màu xám chẳng?

(Cao Tự Thanh)

Viết và nói tiếng Việt

Giáo sư Cao Xuân Hạo là nhà ngữ học ở Hà Nội đã viết nhiều bài về tình trạng “viết và nói tiếng Việt”. Tiếng Việt và tiếng “Hán-Việt” bị sử dụng sai nghĩa, sai ngữ pháp như:

Đảo và ốc đảo - Đảo là một khoảng đất đá nhô lên giữa một vùng nước rộng lớn hơn (sông, hồ hoặc biển), còn ốc đảo là một khoảng có cây và nước ở giữa sa mạc. Hai từ hoàn toàn khác nhau về cả nghĩa cụ thể lẫn hàm ý, nhưng rất nhiều người thường dùng ốc đảo với nghĩa là đảo.

Sưu tầm - sưu tập: Sưu tầm là tìm kiếm, thu thập và tập hợp lại một cách có hệ thống. Các bộ sưu tập là kết quả của công việc đó. Cách nói đúng là: “Nhà sưu tầm và bộ sưu tập” thí dụ: Nhà sưu tầm X nổi tiếng với những bộ sưu tập quý hiếm.

Nhưng gần đây, trên sách báo gọi là nhà sưu tập như thể chữ nhà sưu tầm chưa bao giờ tồn tại vậy.

Don

Don : không lớn, không nhỏ
(người ngợm don don)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Tây Hồ - Hồ Tây



Hồ Tây - 1878

Trong dân gian, hồ được gọi là hồ Trâu Vàng và còn có nhiều tên khác nữa là như Đầm Xác Cáo, hồ Kim Ngưu, hồ Lăng Bạc, Đoài Hồ, hồ Dâm Đàm. Dâm Đàm (đầm mù sương - khói sương mờ mịt tạo nên cảnh trời, đất, nước kỳ lạ). Theo tài liệu của ông Bùi Văn Nguyên trong Cảnh trí Hồ Tây xuất bản năm 1978" thì tên Dâm Đàm còn được sử dụng đến năm 1573 (đời nhà Trần, nhà Lý). Khi vua Lê Thế Tông lên ngôi, vì tránh gọi hồ là Dâm Đàm, là tên húy của vua là Duy Đàm, nên gọi là Tây Hồ.

Năm 1832, Minh Mạng thứ 12 đổi tên Thăng Long là Hà Nội và Tây Hồ là Hồ Tây.

Chữ và nghĩa

Gọi là rau má nhưng chẳng liên quan gì đến.. má hay mẹ gì cả?
Trái sầu riêng ăn vô chẳng thấy sầu riêng,...sầu chung gì cả!
Trái khổ qua ăn đắng sao không kêu là...khổ quá?
Bưởi "Năm roi" ăn rất ngọt có chi kêu là...năm roi?
Trái...vú sữa, cây...dái ngựa thì xin miễn bàn!

(Lê Anh Tuấn – Báo Sài Gòn Nhỏ)

Cảm nhận của một người Hà Nội về người Sài Gòn

Người Sài Gòn có món nhậu, vui cũng nhậu, buồn cũng nhậu, có tiền cũng nhậu, hết tiền càng phải nhậu.

Giàu thì uống rượu Tây, bình dân thì Ken, Sài Gòn đỏ, Tiger (chỉ dành cho những ông già tầm 60 - bữa nào kể cho nghe), nghèo thì Ngọc Dương, chuối hột và vài trái xoài.

Phong kiến

"Phong kiến" viết tắt của "phong tước kiến địa".

"Phong tước" là vua ban quan tước cho mỗi người một tước hiệu như công, hầu, bá, tử, nam.

"Kiến địa" là vua ban đất cho lãnh chúa mỗi người một vùng. Lãnh chúa tự cai trị lãnh thổ của mình, lập quân đội và thu thuế riêng

Chế độ này hiện hữu ở đời nhà Chu bên Tàu với nước của thiên tử và nước của các chư hầu; từ nhà Tần trở đi thì chế độ phong kiến bị bãi bỏ. Chế độ phong kiến cũng tồn tại ở vài nước Âu Châu như Pháp, chỉ vào thời Trung cổ mà thôi.

Ở nước ta không có chế độ phong kiến (féodalité) mà chỉ có chế độ quân chủ chuyên chế (royalisme absolu). Gọi chế độ quân chủ ở Việt Nam bằng từ phong kiến là sai. Có tài liệu còn bảo rằng sự cúng tế đình chùa là tàn tích của phong kiến thì càng sai hơn nữa.

(Triệu Thanh tạp chí)

Đất lề quê thói

Thề

Hai người nợ nần nhau rủ nhau tới đền thiêng để thề. Khi thề người ta cắt cổ một con gà và thề rằng nếu gian dối sẽ bị thánh vật....như con gà bị cắt cổ vậy.

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

Đục long cán gậy còn mong nổi gì

Khi viết tập “Vũ Trung Tuy Bút”, về việc chúa Trịnh ham mê hưởng lạc, bày cảnh vui chơi làm khổ dân với nhiều sai dịch, Phạm Đình Hổ đã cho là có sự bất tường. Cho nên hết đời Trịnh Sâm, các con ông là Trịnh Khải và Trịnh Cán vì tranh quyền đã gây rối loạn ở kinh thành. Trịnh Cán (con Tuyên phi Đặng Thị Huệ) mới được lập lên, với sự hỗ trợ của Quận Huy, chưa được hai tháng, thì bị anh là Trịnh Khải trừ diệt. Và các chúa Trịnh từ đó về sau cũng vì lý do nữ họa mà mất nghiệp: “Sự này chỉ tại Bà Chè, cho Chúa mất nước cho Nghè làng xiêu”. Về hai anh em họ Trịnh tương tàn, dân gian đã cố lời bàn tán:

Đục cùn thì giữ lấy tông

Đục long cán gậy còn mong nổi gì

“Tông” ám chỉ tước hiệu của Trịnh Cán (Tông Đô Vương). “Đục long cán gậy” là nghiệp chúa của Trịnh Cán không tồn tại bao lâu.

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

Dối

Dối : đi theo

(dối đến kinh đô)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Tục rước sinh thực khí

Làng Đông Ky, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh có nhiều tục lệ lạ đời trong đó, tục rước sinh thực khí được xem là quan trọng nhất. Làng này cũng thờ hai vị Thành hoàng, một nam, một nữ. Trong ngày chánh lễ, thoát tiên là tế hai vị Thành hoàng (hai dâm thần) sau đó là lễ rước long trọng. Người dẫn đầu trong buổi rước là vị tiên chỉ, cầm trên tay hai hình sinh thực khí, một của nam và một của nữ, được cách điệu hoá. Dân chúng đi theo sau, vừa đó vừa hát. Tiếng trống đại hướng dẫn; mỗi khi có tiếng trống gióng lên thì vị dẫn đầu là xô hai sinh thực khí với nhau, hình ảnh của sự giao hợp. Sau khi lễ xong thì việc đốt hai sinh thực khí bắt đầu, dân trong làng chia nhau những tro của sinh thực khí, nhất là những gia đình hiếm muộn con cái.

Tro này cũng mang ý nghĩa phồn thực mùa màng. Nông dân lấy tro rắc trên thửa ruộng của mình và hy vọng năm tới mùa màng sẽ kết quả tốt đẹp. Tục thờ và rước sinh thực khí còn được tổ chức tại nhiều làng khác miền Bắc. Chẳng hạn như tại hai làng Khúc Lạc và Dị Nậu trong địa phận của tỉnh Phú Thọ. Mỗi năm, trong lễ tế, họ rước đến 36 hình biểu trưng sinh

thực khí, 18 hình sinh thực khí đàn ông và 18 hình sinh thực khí đàn bà. 36 sinh thực khí này được gọi tên là "nôn nương" (do chữ "nọ nương" đọc trại ra. Những sinh thực khí đó sau khi rước xong cũng được đốt thành tro, chia cho dân trong làng, dân trong làng thì cho là việc cần thiết nếu muốn cho trong năm đó được phát triển mọi mặt.

(Hội tết làng Xưa – Khuyết danh)

Cổ Ngự

Đời Lê Thần Tông (1619 – 1643), năm 1920 dân hai làng Yên Phụ và Yên Quang đắp đập Cổ Ngự như con đường chắn ngang Hồ Tây, ngăn hồ nhỏ là hồ Trúc Bạch.

Cổ là vững bền, ngự là ngăn, chống giữ vững. Sau này có tên là đường “Cổ Ngự” vì dân chúng cho là đắp đê để chắn cá.

Lại có thuyết cho là vì con đường lại giống như...”cổ ngựa” nên dân tình gọi trại là... *Cổ Ngự*.

Chuyện bút nghiên

Một ông chữ nghĩa bè bè trên thông thiên văn dưới thuộc lòng địa lý. Ấy vậy mà không biết con cua con nào là con cái, con nào là con đực? Bèn hỏi vợ.

Vợ lật con cua lên bình văn luận phú: “Cứ nhìn cái yếm con cua là biết liền. Cái yếm nào có mũi nhọn như cái bút lông là con cua cái. Cái yếm nào hình tròn tròn, bè bè như cái nghiên mực là con cua đực. Ông chồng lâu bầu trong bụng: “Bu nó chứ, con đực mà cũng có...yếm.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Tóc thè em xoã ngang vai.
Anh mà đụng tới bặt tay bây giờ

Số XII

Thập niên theo định dạng [thập niên xxxx] . Không nên viết "những năm 40" vì sẽ tạo ra câu hỏi là 1840 hay 1940.

Những năm, thế kỷ... *trước* Công nguyên theo dạng [xxxx TCN] Theo đúng định nghĩa của Công nguyên, tiếng Việt không dùng cụm từ "sau Công nguyên". Do đó, năm nay là 2011, không phải là 2011 sau Công Nguyên.

Trong bài viết, nên dùng cách viết "một", "hai", "ba", ... thay cho "1", "2", "3" trong một câu văn; trừ phi con số có đơn vị đo lường kèm theo sau hoặc nằm trong danh sách, số liệu.

(nguồn Wikipedia)

Khác biệt văn hóa

Rau muống:
HN: ăn cả cọng lẫn lá
SG : ăn cọng bỏ lá

Gàn bát sách



“Gàn bát sách” thì như với Vũ Hoàng Chương nó như sau:
Mỗi lần đánh tổ tôm, thế nào cụ Nguyễn Khuyến cũng phải ù cho bằng được với quân bài “bát sách”. Dù rằng bài có tốt “kính cố ông cụ”, cụ cũng phá ra để ù.

Vì vậy người đánh bài ai cũng nơm nớp sợ đánh ra quân bát sách vì chỉ sợ cụ Nguyễn Khuyến ù. Bài đang ăn to, không muốn, phá đi để ăn mảnh lấy tiếng thì thật là...gàn.

Từ đấy, dân trong làng tổ tôm gọi cây bài “gàn bát sách” là chỉ...cụ Tam Nguyên.

(Hứa Văn Thiên – báo Văn Nghệ Tiền Phong)

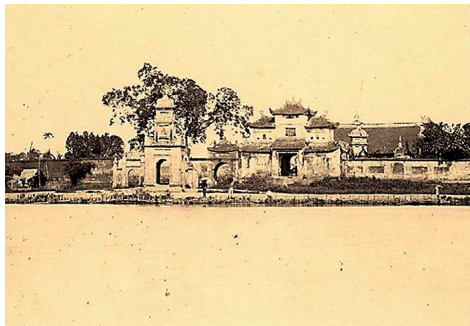
Khác biệt giữa Hà Nội và Sài Gòn

Xôi

Hà Nội: gói lá.

Sài Gòn: cho vào hộp, hay bịch nylon.

Chùa Trấn Quốc



Chùa Trấn Vũ - 1878

Từ chùa *Trấn Vũ* (Đền Quán Thánh, hay Quán Sứ) vào đường Cổ Ngư đi lên phía bắc, bên phải là hồ Trúc Bạch, bên trái là hồ Tây.

Đi tiếp một khúc ngắn nữa là đến *chùa Trấn Quốc* trên hồ Tây phía bên trái. Chùa Trấn Quốc ở hồ Tây nằm trên một hòn đảo nhỏ, có một con đường đất nhỏ rộng trên 2 thước từ bờ hồ dẫn vào chùa. Chùa được xây trên hòn đảo có tên là Kim Ngư lối vào qua một cổng không kiến trúc theo kiểu tam quan. Hai bên là Nhà Tổ và Nhà Bia trong đó có bia của tiến sĩ Phạm Quý Thích khắc năm 1815 ghi lại việc tu sửa chùa, phía sau chùa có gác chuông và mấy ngôi tháp cổ. Thời vua Lê, chúa Trịnh, đây là nơi vua chúa thường đến ngắm cảnh; chúa Trịnh còn thiết lập hành cung mỗi tháng ra chơi vài ba lần, ngự thuyền rồng dạo chơi trên hồ, nhã nhạc tưng bừng cho đến canh khuya.

(Đền Quán Thánh, hay Quán Sứ với “quán”, vì xưa kia đây là nơi trú ngụ, nghỉ ngơi các sứ thần lân bang tới nước ta)

Làng xã quanh Hồ Tây

Cuối đường Cổ Ngư là tới dốc chân đê Nhị Hà, Ô Yên Phụ ở trên cao, phía bên trái là làng Yên Phụ, một làng trồng hoa. Tiếp theo Yên Phụ đi dọc hướng tây bắc là tới Nghi Tàm, xa hơn nữa là Quảng Bá, rồi đến Nhật Tân là đỉnh của Hồ Tây.

Tại đây đi xuôi xuống là con đường dẫn về Nghĩa Đô, Thụy Khuê, trường Bưởi và chùa Quán Thánh là đã đi suốt một vòng quanh hồ Tây, dọc Nghi Tàm, Quảng Bá phía đông có phía tây, người có thể ghé thăm hàng chục di tích chùa chiền, đền miếu, xây cất từ nhiều trăm năm trước, như chùa Kim Liên.

Khác biệt văn hóa

HN: Chè đồng nghĩa với trà.

SG: Chè là chè, trà là trà. Chè là đồ ăn, còn trà là đồ uống.

Những câu sau cùng của Bút Tre

Một người đi với 1 người

Một người đi tới 1 người đi lui

Hai người đi tới đi lui

Một người đi tới người kia lại lùi.

(Nhảy đầm)

Tạp ghi sau 40 năm

Chiều 30-4. Tôi đi một mình ra doanh trại Trung tâm Huấn luyện Quang Trung. Trên đường vài ba chiếc tăng T54 cháy rụi nằm bỏ ngửa. La liệt quần áo lính vứt ngổn ngang. Tôi đến sát cổng quân trường, mấy người bộ đội áo quần xanh lụng thụng dép râu, mình còn cài lá nguyệt trang, răng mặt vàng lờm... bắt tôi đứng lại, không được đến sát cổng vì đoàn phim đang quay. Tôi nhìn theo hướng tay chỉ và thấy một đoàn khóa sinh tân binh từ trong trung tâm đi ra. Tất cả đều phải đứng lại trước các máy quay phim, khi được lệnh từ phía sau máy thì từng người cúi xuống lột hết giày và quần áo lính, chỉ mặc độc mỗi quần lót. Những đoàn lính bộ đội đứng cười cợt khoái chí, một số ít thay vì cười cợt sảng khoái thì quay sang nói chuyện với những người dân hai bên đường. Có những câu hỏi và trả lời khắc mãi trong lòng tôi mà sau này nhiều người lấy đó làm giai thoại.

Với tôi, ngay lúc bấy giờ, tôi không thể cười được. Có cô hỏi:

– Sao anh trẻ thế?

– Trẻ gì nữa. Mười sáu mà còn trẻ.

Cô đang cầm que kem, hỏi anh bộ đội:

– Anh thích ăn cà-rem không?

– Không?

– Thế Hà Nội có cà-rem không?

– Có. Khối gì. Còn phơi để dành nữa.

– Hà Nội có Tivi không?

– Khối gì. Tivi chạy đầy đường.

(Phạm Văn Thành)

Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau.*

Như đôi lúc vui đùa với chữ để chỉ một cảnh sinh hoạt bình thường của một gia đình làm nghề chài lưới:

Cha *chài* mẹ *lưới* con câu
Chàng rể đóng *đáy* con dâu ngồi *nò*

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Ăn đi: Không có nghĩa là vừa ăn vừa đi mà chỉ nhắc là ăn mau.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

Làng

Từ này giờ, chúng tôi chỉ nói đến những tiếng Việt gốc, do hay không do tiếng Tàu mà ra.

Nhưng nếu nó không do tiếng Tàu mà ra thì tự nhiên nó thành hình, hay do ngôn ngữ nào khác? Về điểm đó, chúng tôi chưa kịp học cho tới nơi, những công trình ngôn ngữ học của người Pháp cho rằng tiếng Việt có họ hàng với tiếng Thái cũng chưa chứng minh được gì. Nhưng tiết lộ sau đây có thể làm quý vị ngẩn ngơ suy nghĩ. Là danh từ *làng* của ta là tiếng Mã Lai đấy. Người Mã Lai đọc là *T'Làng*.

(Bình Nguyên Lộc - Dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt Nam)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Tóc thè em để ngang vai.
Anh mà đụng tới búp liền đó nghe.

5 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Chúng tôi bắt đầu hỏi ông về những cuốn tiểu thuyết đầu tiên mà ông đã đọc được lúc còn là một đứa bé lớn lên ở vùng châu thổ sông Cửu Long giữa hai trận thế chiến. Ông nói: "Cuốn tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên tôi đọc là một cuốn sách mà thoát đầu cha tôi cấm không cho đọc vì cho là dâm thư, đó là cuốn *Hà Hương phong nguyệt truyện* của Lê Hoàng Mưu. Cuốn này được xuất bản vào khoảng năm 1917, và tôi tin đó cũng là cuốn tiểu thuyết được xuất bản đầu tiên của Việt Nam. Đó là một câu chuyện tình xảy ra ở miền Nam, chẳng có gì là dâm ô cả. Cuốn tiểu thuyết kế tiếp tôi đọc được là cuốn *Chăng Cà Mum*^[1] của Nguyễn Chánh Sắt. Đây là câu chuyện về một cô gái Việt Nam sống gần biên giới Miên, bị bắt cóc đưa sang Miên một thời gian khá lâu trước khi được quay trở về Việt Nam, Cuốn tiểu thuyết này chưa được xuất bản nhưng đã được quảng bá rộng rãi trên tờ quảng cáo của một tiệm thuốc Bắc. Tiểu thuyết gia kế tiếp mà tôi đọc là Hồ Biểu Chánh. Có thể tôi cũng đã đọc một số tác giả khác ngoài Lê Hoàng Mưu và Nguyễn Chánh Sắt nhưng họ không nổi tiếng mấy và tôi cũng không nhớ được. Nếu tôi biết trước những gì ông bà định hỏi hôm nay thì tôi sẽ ghi lại những chi tiết này đầy đủ hơn."

(Nhớ lần thăm Bình Nguyên Lộc - Phan Việt Thủy)

Cái gia gia là...gì (1)

Hai câu 5 và 6 trong bài Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan vẫn được các nhà nghiên cứu và các nhà biên soạn ghi là:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Xin khẳng định ngay rằng nếu viết là "gia gia" thì "*cái gia gia*" sẽ là một cấu trúc hoàn toàn vô nghĩa. Vì rằng ba tiếng cuối của câu 5 và 6 trong bài thơ tạo thành hai ngữ từ chỉ hai giống chim, chữ hai tiếng cuối viết thành "quốc quốc" và "gia gia" không phải là những từ tượng

thanh (onomatopoeia). Về hai giống chim, như ai nấy đều có thể biết một cách tự nhiên: con trong câu 5 thì đau lòng vì nhớ nước, còn con trong câu 6 thì mỗi miệng vì thương nhà. Vậy thì con trong câu 6 là con gì?

Thưa đó là con đa đa vì những lý do sau đây:

Ngữ âm học đã cho phép khẳng định rằng giữa phương ngữ miền Bắc, miền Nam hoặc Bắc Trung bộ thì cái đĩa ở miền Bắc là cái đĩa ở trong Nam; còn cây đa ở trong Nam thì miền Bắc lại gọi là cây đa. Đặc biệt, cái bánh đa ở ngoài Bắc đã từng được gọi là bánh da ở trong Nam. Paulus Của trong Đại Nam quốc âm tự vị “ Bánh da : Bánh trắng.” Trong Phương ngữ Bình Trị Thiên có rất nhiều dẫn chứng giữa Đ và D như: đa đê ~ da dề, đầ ~ dà, đạ đày ~ dạ dày, đám ~ dám, đao ~ (con) dao, đày ~ dày, v.v..

(An Chi - Cái gia gia chẳng là... cái gì cả!)

Phố Chả Cá

Trước được gọi là *phố Hàng Sơn*, ban đầu là một ngõ hẹp; trước năm 1910 chỉ là một lối đi vừa một chiếc xe tay, bên cạnh đầu ngõ lại là một cái cổng nhỏ choán cả lối ra vào. Bên trong ngõ có độ dăm bảy ngôi nhà đều chuyên nghề buôn sơn sống đưa từ mạn Phú Thọ về. Sau khi thành đường phố, con đường đó được đặt tên là phố Hàng Sơn, song vẫn bị xếp vào loại phố hẹp vì chỉ dài một trăm tám mươi mét.

Lý do phố Hàng Sơn được đổi tên là *Phố Chả Cá* là do có người họ Đoàn (gia đình bà Trường Mên, con là Cả Hy) làm món chả cá. Cho đến nay vẫn ngôi nhà cổ thấp hẹp ấy, vẫn chiếc cầu thang gỗ thấp ngược ấy. Trước đây trên gác có sập gụ tủ chè. Các cụ thường ngồi ăn trên sập.

Câu đối viếng Tú Xương

Kìa ai chín tuổi xương không nát
Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn
(Nguyễn Khuyến)

6 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Những cuốn sách giáo khoa và lịch sử văn học - như của Dương Quảng Hàm và của Vũ Ngọc Phan - đều do những người ở miền Bắc viết. Những cuốn sách này cho rằng những tiểu thuyết đầu tiên ra đời ở miền Bắc, đó là cuốn *Tố tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1925) và *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật (1925). Mặc dù còn tùy thuộc vào cách hiểu thế nào là 'tiểu thuyết', công việc nghiên cứu của chúng tôi, ngược lại, đã chứng minh là những cuốn tiểu thuyết đầu tiên đã được viết ở miền Nam, và có lẽ Hồ Biểu Chánh, Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Chánh Sắt hay Trần Chánh Chiếu xứng đáng hơn Hoàng Ngọc Phách hay Nguyễn Trọng Thuật trong danh hiệu cây bút viết tiểu thuyết đầu tiên ở Việt Nam. Tôi e rằng thành kiến địa phương đã dự phần vào việc thẩm định nên tôi muốn Bình Nguyên Lộc xác nhận sự nghi ngờ của tôi. Sau đó tôi nhận ra là tôi đã quá bồng bột khi chấp nhận một cách giải thích phiến diện cho một hoàn cảnh phức tạp. Bình Nguyên Lộc cho biết mặc dù một số người miền Bắc có thái độ tương tự người Trung Hoa, những kẻ tin rằng họ sống ở 'trung quốc' (Middle Kingdom) và chỉ có bọn man di mới sống ở phía Nam, có một số lý do khác cắt nghĩa tại sao các nhà phê bình miền Bắc không đề cập đến tác phẩm của các cây bút phía Nam.

Ông nói: "Các học giả miền Bắc như Dương Quảng Hàm đã không nhắc nhở đến các nhà tiểu thuyết miền Nam vì họ không đọc được tác phẩm của những người này chứ không phải vì họ không thích người miền Nam. Tác phẩm của người miền Nam không được bày bán ở Hà Nội cho nên họ không biết chút gì về những tác phẩm đầu tiên đã được sáng tác ở miền Nam."

(Nhớ lần thăm Bình Nguyên Lộc - Phan Việt Thủy)

Nói lái

Nói lái là để “chơi chữ”, người nói lái dùng cách hoán chuyển chữ, nguyên âm, dấu và những từ người ta muốn nói lái, như một số địa danh miền Nam:

Chợ Thủ Đức năm canh thức đủ

Hay:

Gái Củ Chi, chỉ cu hỏi củ chi

Hoặc giả như:

Gái Gò Công vừa gồng vừa co

(Nguyễn Hữu Phước – Nói lái)

Sợ trướng nhà Hồ sợ phá Tam Giang

Dưới đời chúa Hiền Tông Nguyễn Phúc Chu, con chúa Tiên Nguyễn Hoàng



Chúa Tiên Nguyễn Hoàng

đường đi qua vùng Hồ Xá – Quảng Trị (tức trướng nhà Hồ) thường có bọn cướp ẩn núp, cướp bóc kẻ qua đường. Năm 1722, Chúa sai ông Nguyễn Khoa Đăng, làm Nội Tán, đi đánh dẹp bọn cướp đó. Người dân ca tụng việc ấy, qua câu ca dao quen thuộc:

Nhớ em anh cũng muốn vô

Sợ trướng nhà Hồ sợ phá Tam Giang

Phá Tam Giang ngày rày đã cạn

Trướng nhà Hồ, Nội Tán cấm nghiêm

Phá Tam Giang ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, nơi có 3 sông lớn của Huế (sông Ô Lâu, sông Bồ, sông Hương) chảy về rồi đổ ra cửa biển Thuận An. Phá này nhiều sóng lớn, thuyền bè qua lại khó khăn, về sau cạn đi.

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

Dờ dỏi

Dờ dỏi: biểu lộ

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Nỗ và nường

Tín ngưỡng phồn thực và tục thờ sinh thực khí là hình thái tín ngưỡng cổ xưa văn hóa dân tộc. Đó là lễ hội Trờ Trám (Nỗ và Nường) ở Tứ Xã (Lâm Thao), ở xã Hà Lộc, Phú Hộ (Phù Ninh), xã Hà Thạch (thị xã Phú Thọ). Hay “Hội ôm” ở An Đạo (Phù Ninh), Thanh Uyên (Tam Nông), Dữu Lâu (TP Việt Trì).



Thờ sinh thực khí hay thờ “Nỗ”, “Nường” cũng là hình thức tín ngưỡng phồn thực của cư dân nông nghiệp được thấy khá phổ biến ở Phú Thọ mà “Nỗ” biểu hiện tính dương được làm bằng gỗ - thường là gỗ mít và sơn đỏ, “Nường” biểu hiện tính âm thường được làm bằng mo cau và được vẽ bằng vôi và mực tàu “y như thật”. Nhân dân thường gọi là “Cua mò cò gỗ”, cả cặp gọi là kén.

Thờ “Nỗ”, “Nường” là nghi lễ thiêng liêng của làng xã được gọi là “lễ mật” cử hành trong miếu vào nửa đêm, chỉ có chủ tế, ông từ và một vài cặp trai gái hành lễ. Trai cầm “Nỗ”, gái cầm “Nường” đứng hai bên bàn thờ, chủ tế điều khiển cho trai gái chọc nõ vào nhau và hát “cái sự làm sao? Cái sự làm vậy! Cái sự thế nào? Cái sự thế này!”. Cũng có nơi chỉ có ông từ và chủ tế thực hiện mà không có trai gái tham gia. Thờ Nỗ Nường có thể coi là biểu hiện của tục thờ Linga - Yoni phổ biến ở Nam Á và Đông Nam Á mà nguồn gốc có thể coi là Ấn Độ.

Cái gia gia là...gì (2)

Chính vì mối quan hệ này giữa Đ và D nên chúng tôi mới chủ trương viết da da (chứ không phải “gia gia”) để ghi tên con đũa đũa. Nhưng với chúng tôi thì chữ của Bà Huyện Thanh Quan không phải “da da” mà hẳn là đũa đũa.

Và hai câu thơ đang xét trong bài Qua Đèo Ngang là:

*Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc
Thương nhà mỗi miệng cái đũa đũa.*

Tiếng Nguồn ở Quảng Bình, một ngôn ngữ cùng gốc (Việt-Mường) với tiếng Việt (Kinh), cũng gọi giống chim này là đũa đũa. Đây là một bằng chứng chắc chắn để phủ nhận hai tiếng/chữ “da da”. Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai là không riêng gì Bà Huyện, mà cả ông bà ta ngày xưa nữa, tuy không biết chữ quốc ngữ, cũng không học “ngôn ngữ học”, nhưng vẫn có cách để phân biệt d- với gi-, d- với r-, ch- với tr-, v.v., trong khi sáng tạo chữ Nôm. Đó là ngôn ngữ học “tự nhiên nhi nhiên” của họ.

Điểm thứ ba là con cuộc cuộc và cái đũa đũa, theo cách hiểu và cách ghi của chúng tôi, cũng rất “đối chọi” theo đúng luật thơ Đường chứ đâu phải là không. Và tuy Bà Huyện “chơi chữ” nhưng bà không bóp méo từ ngữ: cái đũa đũa là cái đũa đũa, chứ dứt khoát không thể thành “cái da da”, càng không thể là “cái gia gia”.

(An Chi - Cái gia gia chẳng là... cái gì cả!)

Khác biệt văn hóa

Khen/chê cái gì đó.

Sài Gòn : ngon bà cố luôn.

Hà Nội : ngon cực (kì).

Cái và con

Trong buổi thuyết trình về văn hóa có Hồ Chí Minh chủ tọa. Mở đầu cuộc thuyết trình, Phan Khôi chê tiếng Pháp khó: Cái gì mà “con chữ” thì là đực (le mot) mà “cái giọng” thì lại là cái (la voix).

Rồi cụ đoan quyết: “Tiếng Việt ta giàu, đẹp và chính xác, mà còn rất cụ thể và sinh động như những gì động đậy thì được gọi là “con” như con gà, con ngỗng...con chim. Nhưng gì bất động thì được kêu là “cái” như cái bàn, cái ghế...cái hăm.

(Bút chiến ở miệt dưới - Lê Đại Lãng)

Khác biệt giữa Hà Nội và Sài Gòn

Uống bia

Hà Nội: Bia hơi, lạt rang, 9 giờ phấn.

Sài Gòn: Chai lạnh, đá to, nồi lẩu, nửa khuya dzia.

Đất lề quê thói

Đánh bạc

Trước khi đi đánh bạc ra ngõ gặp...đàn bà chữa là...hên.

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

Phố cũ không còn tên ở Hà Nội

Qua bao biến động từ thời vua Lê chúa Trịnh cho đến nay, đường phố cũ ở Thăng Long - Hà Nội cũng nhiều đổi thay. Nhất là các phố nằm trong chợ Đông Thành xưa, là chợ lớn nhất kinh thành Thăng Long gồm phố: Hàng Gà, Hàng Cót, Bát Sứ, Hàng Đồng, Thuốc Bắc, Hàng Phèn, Hàng Bút, Hàng Vải, Lò Rèn.



phố Lò Rèn

Ngoài ra những phố không còn tên nữa là: phố Thuốc Nam (còn có tên là phố Nồi Đất thuốc nam) - Hàng Khóa – Hàng Mụn – Hàng Điều – Gai Vông và Phố Hàng Mãn (bán mèo)

Khác biệt giữa Hà Nội và Sài Gòn

Phong cách sống

Người Hà Nội ra ngoài ban ngày, đêm về với u nó.

Người Sài Gòn ban ngày ở với vợ, đêm ra ngoài nhậu với bạn.

Cảm nhận của một người Hà Nội về người Sài Gòn

Người Sài Gòn không nhậu trưa, chỉ có nhậu từ tối, đêm, sáng. Dân nhậu có câu “Tình thương mến thương”, thấy bàn bên cạnh có anh chàng nói chuyện vui, sang cụng cái, bàn bên kia có cô bé dễ thương đi một mình sang cụng một cái. Cụng qua cụng lại một lúc lại sắp vài bàn vào làm một. Zô là zô là zô là zô.

Nhiều người cứ nghĩ rằng nhậu nhẹt ở Sài Gòn là bê tha, người Sài Gòn không thể. Nhậu là chia sẻ, là giải tỏa những gì còn đọng trong ngày, có chút hơi men uống vào cho quên. Sáng dậy lại hòa mình vào cuộc sống và quên đi những chuyện cũ.

Phố Hàng Kèn

Từ thời Lê, khu Kẻ Chợ 36 phố phường tập trung ở quanh phố Hàng Đào. Duy có phố Hàng Kèn tách riêng ở phía nam Hồ Gươm. Phố này có một phường kèn trống bát âm chuyên cung ứng các đám rước thần và đám ma. Còn đờn và người khiêng đờn đám ma thì ở phố Hàng Đàn. Phố Hàng Hòm làm quan tài (sau đổi tên là phố Lò Xũ).

Cuối thế kỷ 19, Pháp lập mấy phố mới: Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt... nên những người cho thuê đờn đám ma, rồi phường bát âm đều dọn lên Hàng Lược để tiện cho các gia đình có đám đến thuê.



phố Lò Sũ

Quán Trung Đờ, tức quán giữa đường, nơi tạm dừng chân của những chiếc xe tang độc mã hay tam mã (260 phố Huế).

Hai phố cổ nhất của Phố Cổ

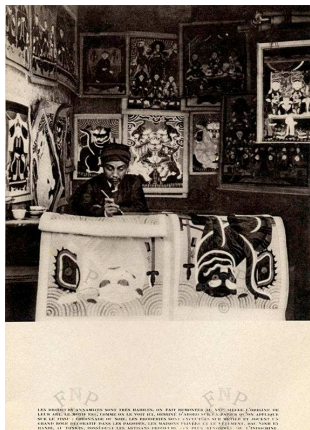
Tại khu Hà Nội 36 phố phường, có hai phố cũ mang tên Hàng Bừa, Hàng Cuốc vì chuyên sản xuất bán ra các công cụ đó. Từ khi Pháp sang lập thành phố Hà Nội (1888), họ đổi tên chung cho hai phố này là phố Lò Rèn như hiện giờ.

Cảm nhận của một người Hà Nội về người Sài Gòn

Người Sài Gòn yêu nhau cũng lạ, không cần phô trương, thương là đến với nhau. Quen nhau từ bàn nhậu, quen nhau ở quán cafe, quen nhau trong thang máy... cứ thích là nhích thôi. Người ta thương nhau, về với nhau là để thế giới bớt đi hai người cô đơn (thế mà anh vẫn cô đơn thế này). Yêu gái Sài Gòn không cần phải tỏ tình, cứ rủ đi cafe vài bữa, cho nắm tay, đi xem phim cho thơm, thế là thành bà xã... Tình yêu cũng có hợp tan, nếu hết thương nhau thì lại nhậu, cafe, xem phim... và thêm một mối tình mới.

Phố... "một nhà"

Cụm từ "phố Hàng Trống", nguyên nghĩa chỉ là...một ngôi nhà, một cửa hàng bán mặt hàng "trống".



Như Hàng Chiếu vốn cũng chỉ là một nhà bán mặt hàng "chiếu". Tương tự như ví dụ của bạn về Hàng Muối, Hàng Mắm. Theo thời gian các "phố" thành 1 dãy cửa hàng, cửa hiệu và được gọi là "phố". Từ "phố" lúc này đã biến nghĩa từ "phố" nguyên nghĩa.

5 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Chúng tôi bắt đầu hỏi ông về những cuốn tiểu thuyết đầu tiên mà ông đã đọc được lúc còn là một đứa bé lớn lên ở vùng châu thổ sông Cửu Long giữa hai trận thế chiến. Ông nói: "Cuốn tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên tôi đọc là một cuốn sách mà thoát đầu cha tôi cấm không cho đọc vì cho là dâm thư, đó là cuốn *Hà Hương phong nguyệt truyện* của Lê Hoàng Mưu. Cuốn này được xuất bản vào khoảng năm 1917, và tôi tin đó cũng là cuốn tiểu thuyết được xuất bản đầu tiên của Việt Nam. Đó là một câu chuyện tình xảy ra ở miền Nam, chẳng có gì là dâm ô cả. Cuốn tiểu thuyết kế tiếp tôi đọc được là cuốn *Chăng Cà Mum*^[1] của Nguyễn Chánh Sắt. Đây là câu chuyện về một cô gái Việt Nam sống gần biên giới Miên, bị bắt cóc đưa sang Miên một thời gian khá lâu trước khi được quay trở về Việt Nam, Cuốn tiểu thuyết này chưa được xuất bản nhưng đã được quảng bá rộng rãi trên tờ quảng cáo của một tiệm thuốc Bắc. Tiểu thuyết gia kế tiếp mà tôi đọc là Hồ Biểu Chánh. Có thể tôi cũng đã đọc một số tác giả khác ngoài Lê Hoàng Mưu và Nguyễn Chánh Sắt nhưng họ không nổi tiếng mấy và tôi cũng không nhớ được. Nếu tôi biết trước những gì ông bà định hỏi hôm nay thì tôi sẽ ghi lại những chi tiết này đầy đủ hơn."

(Nhớ lần thăm Bình Nguyên Lộc - Phan Việt Thủy)

Nhị sách và cữu vạ

Trong *Thi tù tùng thoại*, hồi ký của Huỳnh Thúc Kháng ở Côn Đảo 1915 có ghi thú chơi tổ tôm, chán với 120 quân bài. Trong đó có bốn quân bài: chi chi, *nhị sách*, bát sách và *cữu vạ*.

- Cây "*nhị sách*" chống gậy, bị coi là quân "ăn mày". Đó là chuyện của cụ Huỳnh Thúc Kháng vào năm 1915 ở Côn Đảo.

- Cây "*cữu vạ*" vác thùng đồ trên vai. Năm 1990 ở ngoài Bắc gọi những người hành nghề khuôn vác ở bến xe, bến đò những và người buôn lậu ở biên giới được kêu là cữu vạ.

(Hoàng Hải Thủy – báo Văn Nghệ Tiền Phong)

Nhuận bút

Ngày xưa người ta viết bằng bút lông, để ngòi bút khô lâu sẽ giòn gãy rụng lông nên thỉnh thoảng phải nhúng nước.

Vì thế các báo chí, nhà xuất bản ở Trung Quốc trả tiền thù lao cho tác giả đều gọi là tiền *nhuận bút* (*thấm ướt ngòi bút*).

Về sau viết bài bằng bút sắt rồi bút bi, máy đánh chữ và thậm chí hiện nay viết trên máy tính cũng được gọi là trả tiền...nhuận bút.

(Cao Tự Thanh)

Xạo luận vui về chữ "Tử"

Quân lính chết gọi là...*quân tử*.

Học trò chết gọi là...*sĩ tử*.

Chết một cách lãng xẹt gọi là...*lãng tử*.

(Nguồn ĐatViet.com)

Sự khác nhau giữa Hà Nội và Sài Gòn

Cơn mưa

Mưa Hà Nội giống như tính tình các cô gái Hà Nội, âm ỉ dai dẳng và làm cho bạn nhớ mãi!
Những cơn mưa Sài Gòn giống tính tình của các cô gái Sài Gòn, đồng đành nhưng mau quên!

Ca dao lơ mơ lố mố

Rượu chè, cờ bạc, đi rông
Quất thêm một đá tét mông dập bều.

Dân ca tình tự dân gian

Dưới đây là nguyên bản bài *Cô gái hái chè* ở vùng Thái Nguyên miền Bắc quê hương của bà Đặng Thị Huệ thời chúa Trịnh Sâm:

*Hôm qua em đi hái chè
Gặp thằng phải gió nó đè em ra
Em lay mà nó chẳng tha
Nó đem đút cái mả cha nó vào
Bấy giờ em biết làm sao?
Nếu em càng giẫy nó càng vào sâu
Cái gì như thể củ nâu
Cái gì như cái cần câu vật vờ*

Bói bài

Ngày Tết, nhà nào ở Huế cũng có phổ biến trò chơi bài bạc. Tuy nhiên, bài bạc ở đây không cốt để ăn thua nhau bằng tiền bạc (dù cũng có chuyện tiền bạc chút ít) mà chỉ nhằm có cơ để xen lẫn trong đó trò bói bài. Người ta thường đoán vận mệnh hên xui trong năm bằng cách nhìn qua sự ăn thua trên từng ván bài.

6 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Những cuốn sách giáo khoa và lịch sử văn học - như của Dương Quảng Hàm và của Vũ Ngọc Phan - đều do những người ở miền Bắc viết. Những cuốn sách này cho rằng những tiểu thuyết đầu tiên ra đời ở miền Bắc, đó là cuốn *Tổ tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1925) và *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật (1925). Mặc dù còn tùy thuộc vào cách hiểu thế nào là 'tiểu thuyết', công việc nghiên cứu của chúng tôi, ngược lại, đã chứng minh là những cuốn tiểu thuyết đầu tiên đã được viết ở miền Nam, và có lẽ Hồ Biểu Chánh, Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Chánh Sắt hay Trần Chánh Chiêu xứng đáng hơn Hoàng Ngọc Phách hay Nguyễn Trọng Thuật trong danh hiệu cây bút viết tiểu thuyết đầu tiên ở Việt Nam. Tôi e rằng thành kiến địa phương đã dự phần vào việc thẩm định nên tôi muốn Bình Nguyên Lộc xác nhận sự nghi ngờ của tôi. Sau đó tôi nhận ra là tôi đã quá bồng bột khi chấp nhận một cách giải thích phiến diện cho một hoàn cảnh phức tạp. Bình Nguyên Lộc cho biết mặc dù một số người miền Bắc có thái độ tương tự người Trung Hoa, những kẻ tin rằng họ sống ở 'trung quốc' (Middle Kingdom) và chỉ có bọn man di mới sống ở phía Nam, có một số lý do khác cắt nghĩa tại sao các nhà phê bình miền Bắc không đề cập đến tác phẩm của các cây bút phía Nam.

Ông nói: "Các học giả miền Bắc như Dương Quảng Hàm đã không nhắc nhở đến các nhà tiểu thuyết miền Nam vì họ không đọc được tác phẩm của những người này chứ không phải vì họ không thích người miền Nam. Tác phẩm của người miền Nam không được bày bán ở Hà Nội cho nên họ không biết chút gì về những tác phẩm đầu tiên đã được sáng tác ở miền Nam."

(Nhớ lần thăm Bình Nguyên Lộc - Phan Việt Thủy)

Không có chữ Việt cổ

Ít lâu nay có nhiều nhà biên khảo cho rằng chữ Việt cổ (chữ nòng nọc (*)) có từ thời lập quốc. Qua tích thần thoại vua Hùng Vương mang quân đến núi Khả Lao, Thanh Hóa được thần báo

mộng cho trống đồng thúc quân mà thắng trận. Sau khi thắng, vua ban sắc phong là **Đông cổ đại vương** và lập đền thờ **Đông cổ thần từ**.

Theo Lê Văn Siêu qua *Việt Nam văn minh sử cương* dẫn đoạn truyện cổ tích trên rồi chú thích: “Xin lưu ý hồi này chữ Hán chưa truyền vào Giao Chỉ làm sao vua Hùng Vương có chữ để phong cho thần là **Đông cổ đại vương** hay **Áp Lăng chân nhân** hoặc **Đông cổ thần từ** ... Việc mang quân đi đánh phương Nam theo truyền thuyết có thể là có thật. Nhưng đặt duệ hiệu theo những tiếng Nôm nào đó, còn sự phong tặng chỉ là thêm thắt của người đời sau”.

Như thế theo tác giả Lê Văn Siêu đã gián tiếp khẳng định nước ta chưa có chữ viết vào thời Hùng vương.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

Khác biệt văn hóa

Cơn mưa

Mưa Sài Gòn giống tình yêu các cô gái Sài Gòn - nhanh đến nhưng nhanh đi.

Mưa Hà Nội giống tình yêu các cô gái Hà Nội - âm ỉ và dai dẳng.

Phố "cầu"

Hà Nội - Thăng long xưa vốn là vùng đầm lầy, ao hồ, sông lạch nên có rất nhiều cây cầu. Ngày nay, một số cây cầu đã mất đi dấu tích song tên của chúng vẫn còn lại và dùng để đặt tên cho các con phố như đường **Cầu Giấy**.

Phố **Cầu Đông** dài 100 m, thuộc phường Đồng Xuân. Chợ Cầu Đông (Bà già đi chợ Cầu Đông/ Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?/ Thầy bói gieo quẻ phán rằng/ Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn).

Phố **Cầu Đất** mới lập năm 1999 (?). Phố Cầu Gỗ dài khoảng 250m, hẹp, được nối từ phố Hàng Thùng đến phố Hàng Gai. Thời Pháp, phố cũng có tên là **Cầu Gỗ** (Rue du en bois). Vốn xưa, có một chiếc cầu gỗ bắc qua một ngòi nhỏ nối Hồ Gươm với hồ Hàng Đào thế nên hình thành tên Cầu Gỗ.



phố Cầu Gỗ

Đường **Cầu Giấy**, lập năm 1988. Tên gọi Cầu Giấy xuất phát từ tên cây cầu bắc qua sông Tô Lịch và làng giấy Thượng Yên.



Cầu Giấy

Yên hà

Yên hà: mây và khói. Nơi sơn lâm tịch lâu cho người thích ở ẩn dật. Thơ có câu “**Nghêu ngao vui thú yên hà – Phong trần cõi bỏ, phù hoa tiếc gì**”.

Yên hà cổ tịch: Người quen thói hút thuốc phiện (đi mây về khói).

Hà Nội...”Ngõ”

Hà Nội 36 phố phường hình thành từ những làng quê, ngày nay, hình như dấu ấn “làng” ấy hiện rõ nét nơi phố nhỏ, nơi ngõ ngang ngõ dọc uốn lượn, quanh co, ngoằn ngoèo như đường làng trong lòng một Hà Nội sầm uất. Nhưng đậm chất Thăng Long - Hà Nội vẫn là quận Hoàn Kiếm, nhưng nơi để hoài niệm tận chiều sâu tâm hồn, để lắng nghe tiếng gọi của Thăng Long ngàn xưa lại là ngõ nhỏ. Hà Nội có nhiều ngõ, thậm chí ngõ nổi ngõ, trong ngõ còn có ngách, trong ngách còn có hẻm. Có ngõ dài, ngoằn ngoèo như một mê cung . Nhìn thấy phía trước một ngôi nhà, tường ngõ đến đó là kết thúc thì lại thấy khoảng sáng nơi ngõ tiếp tục kéo dài lắt léo, ngoằn ngoèo. Hai bên ngõ là nhà, nhà chồng hộp diêm với muôn vẻ khác nhau mà chỉ có ở Hà Nội 36 phố phường. Ngõ là nơi ẩn chứa những bất ngờ mà chưa có ai kể cho chúng ta biết. Nếu bạn muốn biết nơi đất chật người đông Hà thành thì nên ghé qua....các ngõ sau.

Thiếu văn hóa

Trong quan hệ hàng ngày với tập thể cán bộ, sinh viên, Hoàng Ngọc Hiến rất hồn nhiên, chân thật, dễ tính, nên được anh em mến. Nhưng hình như anh có máu phiến loạn, thích gây sự với lãnh đạo. Hồi những năm 60 của thế kỷ trước, tôi nhớ Phạm Văn Đồng có viết một bài về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Bài ấy, người khác có thể coi là thường, không hay hoặc chưa đúng chỗ này chỗ khác. Nhưng Hoàng Ngọc Hiến nói: *“Phạm Văn Đồng viết bài ấy là thiếu văn hoá”*.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Khác biệt văn hóa

Gái Hà Nội: khó tán, khó bỏ.

Gái Sài Gòn: dễ tán, dễ bỏ.

Công tử bột

Công tử bột là ai vậy, mà hễ bất kỳ chàng trai nào ít am hiểu xã hội, vẻ béo tốt, trắng trẻo, ăn mặc sạch sẽ cứ ngơ ngơ ngác ngác trước cuộc sống, vụng về trong công việc, thích ăn chơi, lười biếng... đều bị liệt vào hạng người này.

Theo nhiều người kể lại, các chàng công tử bột không phải ai xa lạ mà chính là các công chức ngành dây thép (bưu điện) trong thời Pháp thuộc. Thuở ấy, các công chức này thường ăn diện quần áo trắng tinh, bảnh bao, cứ chạy nhong nhong như cờ lông công trên các đường phố ở thành phố lớn.

Nhưng có sao lại gọi là công tử bột ?

Công tử là con quan, thì ai cũng hiểu rõ. Nhưng "bột" là gì ? Ở đây, trong cách hiểu dân gian, dường như có sự trùng âm giữa từ "bột" với nghĩa trong "bột gạo, bột mì, bột sắn, gà bột, phồng bột" cũng như các thứ đồ chơi cho trẻ, xinh xắn bụ bẫm...

Và từ "bột", vốn là cách đọc chệch của âm từ "poste" trong tiếng Pháp, có nghĩa là bưu điện (dây thép).

Hóa ra công tử bột là chàng công tử làm nghề bưu điện. Hiện nay các hình ảnh đó đã xa vắng, khác lạ so với chúng ta, không còn hình ảnh nào để gợi nhớ tới họ nữa.

Hà Nội... "Hàng"

Ngày nay, Hà Nội có 102 phường (với trên 400 phố, ngõ).

Hiện Hà Nội có 53 phố, ngõ được bắt đầu bằng chữ "Hàng":

Hàng Bạc, Hàng Bài, Hàng Bè, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Bột, Hàng Buồm, Hàng Bún, Hàng Bút, Hàng Cá, Hàng Cân, Hàng Chai, Hàng Cháo, Hàng Chi, Hàng Chiếu, Hàng Chĩnh, Hàng Chuối, Hàng Cỏ, Hàng Cót, Hàng Da, Hàng Dầu, Hàng Đào, Hàng Đậu, Hàng Điều, Hàng Đồng, Hàng Đường, Hàng Gà, Hàng Gai, Hàng Giày, Hàng Giầy, Hàng Hành, Hàng Hòm, Hàng Hương, Hàng Khay, Hàng Khoai, Hàng Lược, Hàng Mã, Hàng Mành, Hàng Mắm, Hàng Muối, Hàng Ngang, Hàng Nón, Hàng Phèn, Hàng Quạt, Hàng Rươi, Hàng Than, Hàng Thiếc, Hàng Thùng, Hàng Thịt, Hàng Tre, Hàng Trống, Hàng Vải, Hàng Vôi.

Thành ngữ và danh ngôn

• Nếu ở gần một người mà bạn thấy thời gian trôi thật nhanh còn khi xa người đó bạn lại thấy thời gian trôi qua thật chậm thì bạn nên đem... đồng hồ đi sửa.

Mài dao dạy vợ

Ngày xưa có một người nhà quê lấy phải vợ độc ác. Người vợ này đối xử với mẹ chồng rất là hỗn láo vô lễ. Người chồng khuyên hoài không được, bèn nghĩ ra một kế.

Anh ta sắm một con dao bầu thật sắc. Mỗi ngày lấy ra mài. Người vợ lấy làm lạ hỏi, nhưng anh ta không đáp. Người vợ tò mò hỏi hoài, cuối cùng anh ta trả lời: "Tôi mài dao để có dịp giết mẹ đi thôi. Mẹ đã già, sống mà ngày nào cũng cãi cọ với mình vậy thì thà chết đi cho rồi". Người vợ thấy thế hoảng hốt, rồi ăn năn: "Xin mình đừng giết mẹ, từ nay tôi hứa sẽ không có điều chi to tiếng trong nhà nữa". Từ đó trong nhà thuận hòa vui vẻ.

"Mài dao dạy vợ" ý nói sự khôn ngoan của người chồng để khuyên bảo vợ mình làm điều phải.

Khác biệt văn hóa

Tỏ tình: Khi bạn nói với một cô gái "Thế em có yêu anh không?"

Con gái Hà Nội: "Nếu nói không thì sao ?"

Con gái Sài Gòn: "Tại sao lại không nhỉ !"

Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau*. Thí dụ như:

Con kiến mà leo cành đa

Leo phải cành cụt leo ra, leo vào

*Con kiến mà leo cành đào
Leo phải cành cụt leo vào, leo ra*

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

Hà Nội... "Hàng"

Phố, ngõ có tên "Hàng", theo thời gian, đã bị thay thế dần:

Hàng Hải (đầu Hàng Bông), Hàng Mụn (nay là Hàng Bút, còn Hàng Bút gốc cuối của phố Thuốc Bắc), Hàng Bừa, Hàng Cước (nay gộp lại thành phố Lò Rèn), Hàng Tân tức Hàng Lọng, Hàng Bột, Hàng Chè (đoạn đầu của phố Đinh Tiên Hoàng), Hàng Giò (cuối phố Bà Triệu), Hàng Kèn (đoạn phố Bà Triệu từ ngã năm Trần Hưng Đạo đến ngã năm Nguyễn Du), Hàng Đàn (giữa hàng Quạt), Hàng Mãn (đầu phố Hàng Giày), Hàng Lam (đoạn đầu phố Hàng Ngang), Hàng Lò (cuối Hàng Bông), Hàng Nâu, Hàng Tiện (đầu Hàng Gai), Hàng Sơn (phố Chả Cá), Hàng Đẫy (đầu phố Nguyễn Thái Học), Hàng Mã dưới và Hàng Mây (nay là phố Mã Mây), Hàng Trống (cuối Hàng Mắm), Hàng Gạo (phố Đồng Xuân), Hàng Thêu (cuối Hàng Trống), Hàng Sắt (đầu phố Thuốc Bắc)...